

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 11B1

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 11B1 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Trần Thị Kim Ngân

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Trương Quốc Anh	17/10/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		84, Thị Trấn Cần Đức, Long An
2	Huỳnh Đăng Du	10/04/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		243 Ấp Đông Trung, Tân Chánh, Cần Đức
3	Châu Ngọc Ánh Dương	26/10/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Ao Gòn, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
4	Nguyễn Thành Đạt	13/10/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp Xóm Chùa, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	16/04/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 2, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	13/02/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, Tân Ân, Cần Đức, Long An
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	24/04/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 4, Tân Ân, Cần Đức, Long An
8	Trần Vũ Hùng	29/08/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 6, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	13/09/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhất, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	11/10/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Bình Hòa, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
11	Phạm Huỳnh Hương	21/02/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Phước Tuy, Cần Đức, Long An
12	Hồ Anh Khoa	07/10/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
13	Bùi Trần Đăng Khoa	23/08/2008	Đồng Tháp	Kinh	Nam		Xóm chùa, Tân Lân, Cần Đức, Long An
14	Đặng Anh Kiệt	05/07/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Khu 7, Thị Trấn Cần Đức, Long An
15	Huỳnh Tấn Kiệt	11/02/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 3, xã Phước Tuy, Cần Đức, Long An
16	Dương Tuấn Kiệt	29/08/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhi, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An
17	Vô Văn Là	05/02/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 7, xã Phước Tuy, Cần Đức, Long An
18	Đỗ Thị Trúc Mai	27/05/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 5, Tân Ân, Cần Đức, Long An
19	Bùi Thị Trà My	12/08/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Bình Hòa, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
20	Lê Thị Trà My	16/11/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đình, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
21	Phạm Thị Kim Ngân	15/10/2008	Tiền Giang	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Phước Tuy, Cần Đức, Long An
22	Trà Kim Ngọc	17/04/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Bà Thoại, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	10/11/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, Tân Ân, Cần Đức, Long An
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	14/02/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 6 Phước Tuy, Cần Đức, Long An
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	04/01/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 4, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
26	Lương Thị Kiều Oanh	23/05/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Nhà Trường, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	12/07/2008	Long An	Kinh	Nam		179, tổ 16, khu phố 1A, Thị Trấn Cần Đức, Long An
28	Dương Bùi Tấn Phú	17/01/2008	Long An	Kinh	Nam		Tân Chánh, Cần Đức, Long An
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	20/12/2007	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Nhà Dải, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	21/03/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 1, xã Phước Tuy, Cần Đức, Long An
31	Vô Hồng Quân	20/08/2008	An Giang	Kinh	Nam		ấp Nhà Thờ, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
32	Nguyễn Phúc Quân	12/04/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 5, Phước Đông, Cần Đức, Long An
33	Nguyễn Trung Quân	30/06/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		299 Ấp Bà Thoại, xã Tân Lân, Cần Đức
34	Nguyễn Minh Tân	05/09/2008	Long An	Kinh	Nam		115A, Khu 8, Thị Trấn Cần Đức, Long An
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành	29/02/2008	Long An	Kinh	Nam		xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
36	Lê Nguyễn Anh Thư	22/10/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đình, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An
37	Nguyễn Đỗ Trọng	24/01/2007	Tây Ninh	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	17/05/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 1, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	22/08/2008	An Giang	Kinh	Nữ		Ấp 2, Phước Đông, Cần Đức, Long An
40	Nguyễn Thảo Vy	19/09/2008	Đồng Tháp	Kinh	Nữ		Ấp 1, Phước Đông, Cần Đức, Long An
41	Nguyễn Giang Yến Vy	02/06/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		24 tổ 1 ấp 4, Tân Ân, Cần Đức, Long An
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	20/02/2008	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Cầu Xây, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Trương Quốc Cường - Lao động tự do	Nguyễn Ngọc Diễm - Lao động tự do	
2	Huỳnh Thanh Tâm - Đi ghe	Nguyễn Trúc Linh - Đi ghe	
3	Châu Quốc Toàn - Thợ hồ	Đào Thị Thoàng - Buôn Bán	
4	Nguyễn Văn Mười - Làm ruộng	Nguyễn Thị Linh - Làm ruộng	
5	Nguyễn Thanh Vũ - Nông dân	Nguyễn Thanh Thủy - Công nhân	
6	Ngô Văn Kiệt - Thợ mộc	Phạm Thị Định - Công nhân	
7	Trần Văn Lý - Thợ điện	Võ Thị Tuyết Trinh - Công nhân	
8	Trần văn Rùm - Thợ cưa	Nguyễn Thị Ướt - Nội trợ	
9	Trần Văn Tuấn Linh - Làm ruộng	Nguyễn Thị Nghĩa - Buôn Bán	
10	Quách Hoài Phương - Thợ hồ	Nguyễn Thị Thanh Thủy - Công nhân	
11	Phạm Thành Công - Chăn nuôi	Huỳnh Thị Lệ Thu - Công nhân	
12	Hồ Văn Cộng - Thợ Cưa	Nguyễn Thị Hồng Đào - Nội trợ	
13	Bùi Thanh Phong - Tài xế	Trần Thị Thi - Nội trợ	
14	Đặng Minh Thanh - Giám sát công trình	Đặng Thị Cẩm Hằng - Công nhân	
15	Huỳnh Tấn Hoàng - Lao động tự do	Phan Ngọc Thủy - Công nhân	
16	Dương Thanh Tuấn -	Cao Thị Châu Pha - Công nhân	
17	Võ Văn Hùng - Thợ hồ	Nguyễn Thị Mỹ Dung - Nội trợ	
18	Đỗ Văn Hiếu - Lao động tự do	Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Công nhân	
19	Bùi Văn Lộc - Công nhân	Lê Thị Phương Thảo - Nội trợ	
20	Lê Minh Vương - công nhân	Nguyễn Thị Kim Thảo -	
21	Phạm Văn Tiền - Cơ khí	Bùi Kiều Tiên - Công nhân	
22	Trà Văn Bạch Cúc - Công nhân	Lê Thị Hồng Xuân - Công nhân	
23	Huỳnh Tấn Thuận - Tài xế	Nguyễn Thúy Kiều - Thợ may	
24	Nguyễn Văn Phong - Nông dân	Nguyễn Thị Lệ - Nông dân	
25	Nguyễn Thanh Nhân - Lao động tự do	Nguyễn Thị Kim Khuyến - Công nhân	
26	Lương Thanh Tâm -	Nguyễn Thị Phương Thủy - Công nhân	
27	Bùi Hoàng Hải - Công nhân	Huỳnh Thị Mai Thi - Công nhân	
28	Dương Tấn Phong - Công nhân	Bùi Thị Gái - Công nhân	
29	Nguyễn Hoàng Tấn Cường - Tài xế	Nguyễn Thị Thu Hà - Nội trợ	
30	Nguyễn Quốc Quân - Công nhân	Đào Thị Bảo Yến - Nội trợ	
31	Võ Văn Sơ - Buôn Bán	Ngô Thị Bích Trang - Buôn Bán	
32	Nguyễn Văn Nhân - Đi tàu	Đặng Thị Bích Tuyền - Công nhân	
33	Nguyễn Thanh Hùng - Nông dân	Nguyễn Thị Thúy Quyên - Nội trợ	
34	Nguyễn Tấn Tiến - Kinh doanh	Nguyễn Thị Lệ - Kinh doanh	
35	Nguyễn Ngọc Xuân - Công nhân	Bùi Thị Chiên -	
36	Lê Thanh Sang - Lao động tự do	Nguyễn Thị Kim Thoa - Công nhân	
37	Nguyễn Thanh Sang - Đi tàu	Đỗ Thị Thu Hồng - Buôn Bán	
38	Nguyễn Thanh Phong -	Nguyễn Thị Thu Vân - Công nhân	
39	Nguyễn Tuấn Khanh - Công nhân	Đặng Thị Mỹ Nữ - Công nhân	
40	Nguyễn Thế Trăn - Tài xế	Trần Thị Hơ - Buôn Bán	
41	Nguyễn Văn Phi - Tài xế	Giang Cẩm Vân - Nội trợ	
42	Nguyễn Văn Thu - Thợ hồ	Võ Thị Hoàn Oanh - Làm ruộng	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2		TS	P	K
1	Trương Quốc Anh			K				K			K		K					K							K									6	0	6
2	Huỳnh Đăng Du																																	0	0	0
3	Châu Ngọc Ánh Dương																																	0	0	0
4	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Ngô Thị Ngọc Hiền																																	0	0	0
7	Trần Thị Huỳnh Hoa																																	0	0	0
8	Trần Vũ Hùng																																	0	0	0
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
10	Quách Thị Thuý Huỳnh																																	0	0	0
11	Phạm Huỳnh Hương																																	0	0	0
12	Hồ Anh Khoa																																	0	0	0
13	Bùi Trần Đăng Khoa																																	0	0	0
14	Đặng Anh Kiệt			K							K														K									3	0	3
15	Huỳnh Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Dương Tuấn Kiệt																																	0	0	0
17	Võ Văn Lã			K							K							K																3	0	3
18	Đỗ Thị Trúc Mai																																	0	0	0
19	Bùi Thị Trà My																																	0	0	0
20	Lê Thị Trà My																																	0	0	0
21	Phạm Thị Kim Ngân																																	0	0	0
22	Trà Kim Ngọc																																	0	0	0
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc																																	0	0	0
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung																																	0	0	0
26	Lương Thị Kiều Oanh			K							K							K													K			4	0	4
27	Bùi Hoàng Thanh Phong																																	0	0	0
28	Dương Bùi Tấn Phú																																	0	0	0
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước																																	0	0	0
30	Nguyễn Đào Nhã Phương																																	0	0	0
31	Võ Hồng Quân																																	0	0	0
32	Nguyễn Phúc Quân			K							K				K			K				K			K				K				7	0	7	
33	Nguyễn Trung Quân																																	0	0	0
34	Nguyễn Minh Tân																																	0	0	0
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành																																	0	0	0
36	Lê Nguyễn Anh Thư																																	0	0	0
37	Nguyễn Đỗ Trọng																																	0	0	0
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền																																	0	0	0
40	Nguyễn Thảo Vy																																	0	0	0
41	Nguyễn Giang Yến Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	5	0	0	0	1	0	0	5	0	1	0	1	0	0	4	0	0	0	1	0	0	3	0	0	0	1	0	0	1		23	0	23

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ			
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	TS	P	K	
1	Trương Quốc Anh				K	K			K							K															K				5	0	5
2	Huỳnh Đăng Du																																		0	0	0
3	Châu Ngọc Ánh Dương																																		0	0	0
4	Nguyễn Thành Đạt																																		0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																		0	0	0
6	Ngô Thị Ngọc Hiền																																		0	0	0
7	Trần Thị Huỳnh Hoa																																		0	0	0
8	Trần Vũ Hùng																																		0	0	0
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy																																		0	0	0
10	Quách Thị Thuý Huỳnh																																		0	0	0
11	Phạm Huỳnh Hương																																		0	0	0
12	Hồ Anh Khoa																																		0	0	0
13	Bùi Trần Đăng Khoa																																		0	0	0
14	Đặng Anh Kiệt																																		0	0	0
15	Huỳnh Tấn Kiệt																																		0	0	0
16	Dương Tuấn Kiệt																																		0	0	0
17	Võ Văn Là																																		0	0	0
18	Đỗ Thị Trúc Mai																																		0	0	0
19	Bùi Thị Trà My																																		0	0	0
20	Lê Thị Trà My																																		0	0	0
21	Phạm Thị Kim Ngân																																		0	0	0
22	Trà Kim Ngọc																																		0	0	0
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc																																		0	0	0
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi																																		0	0	0
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung																																		0	0	0
26	Lương Thị Kiều Oanh															K															K			2	0	2	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong																																		0	0	0
28	Dương Bùi Tấn Phú																																		0	0	0
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước																																		0	0	0
30	Nguyễn Đào Nhã Phương																																		0	0	0
31	Võ Hồng Quân																																		0	0	0
32	Nguyễn Phúc Quân								K											K			K								K			4	0	4	
33	Nguyễn Trung Quân																																		0	0	0
34	Nguyễn Minh Tân																																		0	0	0
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành																																		0	0	0
36	Lê Nguyễn Anh Thư																																		0	0	0
37	Nguyễn Đỗ Trọng																																		0	0	0
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																		0	0	0
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền																																		0	0	0
40	Nguyễn Thảo Vy																																		0	0	0
41	Nguyễn Giang Yến Vy																																		0	0	0
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân																																		0	0	0
	Tổng số		0	0	1	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	11	0	11	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7		TS	P	K
1	Trương Quốc Anh				K			K				K								K						K								5	0	5
2	Huỳnh Đăng Du																																	0	0	0
3	Châu Ngọc Ánh Dương																																	0	0	0
4	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Ngô Thị Ngọc Hiền																																	0	0	0
7	Trần Thị Huỳnh Hoa																																	0	0	0
8	Trần Vũ Hùng																																	0	0	0
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
10	Quách Thị Thuý Huỳnh																																	0	0	0
11	Phạm Huỳnh Hương																																	0	0	0
12	Hồ Anh Khoa																																	0	0	0
13	Bùi Trần Đăng Khoa																																	0	0	0
14	Đặng Anh Kiệt																																	0	0	0
15	Huỳnh Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Dương Tuấn Kiệt																																	0	0	0
17	Võ Văn Là																																	0	0	0
18	Đỗ Thị Trúc Mai																																	0	0	0
19	Bùi Thị Trà My																																	0	0	0
20	Lê Thị Trà My																																	0	0	0
21	Phạm Thị Kim Ngân																																	0	0	0
22	Trà Kim Ngọc																																	0	0	0
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc																																	0	0	0
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung																																	0	0	0
26	Lương Thị Kiều Oanh				K							K																					2	0	2	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong																																	0	0	0
28	Dương Bùi Tấn Phú																																	0	0	0
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước																																	0	0	0
30	Nguyễn Đào Nhã Phương																																	0	0	0
31	Võ Hồng Quân																																	0	0	0
32	Nguyễn Phúc Quân				K							K	K	K						K						K							6	0	6	
33	Nguyễn Trung Quân																																	0	0	0
34	Nguyễn Minh Tân																																	0	0	0
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành																																	0	0	0
36	Lê Nguyễn Anh Thư																																	0	0	0
37	Nguyễn Đỗ Trọng																																	0	0	0
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền																																	0	0	0
40	Nguyễn Thảo Vy																																	0	0	0
41	Nguyễn Giang Yến Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	3	0	0	1	0	0	0	3	1	1	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	13	0	13	

Ti lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 0.00%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 100.00%		
	Trần Thị Kim Ngân	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	TS	P	K
1	Trương Quốc Anh			K							K							K		K					K									5	0	5
2	Huỳnh Đăng Du																																	0	0	0
3	Châu Ngọc Ánh Dương																																	0	0	0
4	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Ngô Thị Ngọc Hiền																																	0	0	0
7	Trần Thị Huỳnh Hoa																																	0	0	0
8	Trần Vũ Hùng																																	0	0	0
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
10	Quách Thị Thuý Huỳnh																																	0	0	0
11	Phạm Huỳnh Hương																																	0	0	0
12	Hồ Anh Khoa																																	0	0	0
13	Bùi Trần Đăng Khoa																																	0	0	0
14	Đặng Anh Kiệt																																	0	0	0
15	Huỳnh Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Dương Tuấn Kiệt																																	0	0	0
17	Võ Văn Lã																																	0	0	0
18	Đỗ Thị Trúc Mai																																	0	0	0
19	Bùi Thị Trà My																																	0	0	0
20	Lê Thị Trà My																																	0	0	0
21	Phạm Thị Kim Ngân																																	0	0	0
22	Trà Kim Ngọc																																	0	0	0
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc																																	0	0	0
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung																																	0	0	0
26	Lương Thị Kiều Oanh			K							K	K																						3	0	3
27	Bùi Hoàng Thanh Phong																																	0	0	0
28	Dương Bùi Tấn Phú																																	0	0	0
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước																																	0	0	0
30	Nguyễn Đào Nhã Phương																																	0	0	0
31	Võ Hồng Quân																																	0	0	0
32	Nguyễn Phúc Quân			K							K							K																3	0	3
33	Nguyễn Trung Quân																																	0	0	0
34	Nguyễn Minh Tân																																	0	0	0
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành																																	0	0	0
36	Lê Nguyễn Anh Thư																																	0	0	0
37	Nguyễn Đỗ Trọng																																	0	0	0
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền																																	0	0	0
40	Nguyễn Thảo Vy																																	0	0	0
41	Nguyễn Giang Yến Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	3	0	0	0	0	0	0	3	1	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	11	0	11

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	TS	P	K
1	Trương Quốc Anh														K							K												2	0	2
2	Huỳnh Đăng Du																																	0	0	0
3	Châu Ngọc Ánh Dương																																	0	0	0
4	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Ngô Thị Ngọc Hiền																																	0	0	0
7	Trần Thị Huỳnh Hoa																																	0	0	0
8	Trần Vũ Hùng																																	0	0	0
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
10	Quách Thị Thuý Huỳnh																																	0	0	0
11	Phạm Huỳnh Hương																																	0	0	0
12	Hồ Anh Khoa																																	0	0	0
13	Bùi Trần Đăng Khoa																																	0	0	0
14	Đặng Anh Kiệt																																	0	0	0
15	Huỳnh Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Dương Tuấn Kiệt																																	0	0	0
17	Võ Văn Là																																	0	0	0
18	Đỗ Thị Trúc Mai																																	0	0	0
19	Bùi Thị Trà My																																	0	0	0
20	Lê Thị Trà My																																	0	0	0
21	Phạm Thị Kim Ngân																																	0	0	0
22	Trà Kim Ngọc																																	0	0	0
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc																																	0	0	0
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung																																	0	0	0
26	Lương Thị Kiều Oanh																				K												1	0	1	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong																																	0	0	0
28	Dương Bùi Tấn Phú																																	0	0	0
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước																																	0	0	0
30	Nguyễn Đào Nhã Phương																																	0	0	0
31	Võ Hồng Quân																																	0	0	0
32	Nguyễn Phúc Quân														K							K											2	0	2	
33	Nguyễn Trung Quân																																	0	0	0
34	Nguyễn Minh Tân																																	0	0	0
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành																																	0	0	0
36	Lê Nguyễn Anh Thư																																	0	0	0
37	Nguyễn Đỗ Trọng																																	0	0	0
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền																																	0	0	0
40	Nguyễn Thảo Vy																																	0	0	0
41	Nguyễn Giang Yến Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0	5

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6				TS	P	K
1	Trương Quốc Anh				K				K																									2	0	2
2	Huỳnh Đăng Du																																	0	0	0
3	Châu Ngọc Ánh Dương																																	0	0	0
4	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Ngô Thị Ngọc Hiền																																	0	0	0
7	Trần Thị Huỳnh Hoa																																	0	0	0
8	Trần Vũ Hùng																																	0	0	0
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
10	Quách Thị Thuý Huỳnh																																	0	0	0
11	Phạm Huỳnh Hương																																	0	0	0
12	Hồ Anh Khoa																																	0	0	0
13	Bùi Trần Đăng Khoa																																	0	0	0
14	Đặng Anh Kiệt																																	0	0	0
15	Huỳnh Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Dương Tuấn Kiệt																																	0	0	0
17	Võ Văn Lâ																																	0	0	0
18	Đỗ Thị Trúc Mai																																	0	0	0
19	Bùi Thị Trà My																																	0	0	0
20	Lê Thị Trà My																																	0	0	0
21	Phạm Thị Kim Ngân																																	0	0	0
22	Trà Kim Ngọc																																	0	0	0
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc																																	0	0	0
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung																																	0	0	0
26	Lương Thị Kiều Oanh				K	K																												2	0	2
27	Bùi Hoàng Thanh Phong																																	0	0	0
28	Dương Bùi Tấn Phú																																	0	0	0
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước																																	0	0	0
30	Nguyễn Đào Nhã Phương																																	0	0	0
31	Võ Hồng Quân																																	0	0	0
32	Nguyễn Phúc Quân								K			K																						2	0	2
33	Nguyễn Trung Quân																																	0	0	0
34	Nguyễn Minh Tân																																	0	0	0
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành																																	0	0	0
36	Lê Nguyễn Anh Thư																																	0	0	0
37	Nguyễn Đỗ Trọng																																	0	0	0
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền																																	0	0	0
40	Nguyễn Thảo Vy																																	0	0	0
41	Nguyễn Giang Yến Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	1	1	1	0	2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				6	0	6

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	TS	P	K
1	Trương Quốc Anh				K							K								K				K				K		K				6	0	6
2	Huỳnh Đăng Du																																	0	0	0
3	Châu Ngọc Ánh Dương																																	0	0	0
4	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Ngô Thị Ngọc Hiền																																	0	0	0
7	Trần Thị Huỳnh Hoa																																	0	0	0
8	Trần Vũ Hùng																																	0	0	0
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
10	Quách Thị Thuý Huỳnh																																	0	0	0
11	Phạm Huỳnh Hương																																	0	0	0
12	Hồ Anh Khoa																																	0	0	0
13	Bùi Trần Đăng Khoa																																	0	0	0
14	Đặng Anh Kiệt																																	0	0	0
15	Huỳnh Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Dương Tuấn Kiệt																																	0	0	0
17	Võ Văn Lâ																																	0	0	0
18	Đỗ Thị Trúc Mai																																	0	0	0
19	Bùi Thị Trà My																																	0	0	0
20	Lê Thị Trà My																																	0	0	0
21	Phạm Thị Kim Ngân																																	0	0	0
22	Trà Kim Ngọc																																	0	0	0
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc																									P								1	1	0
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung																																	0	0	0
26	Lương Thị Kiều Oanh																													K				1	0	1
27	Bùi Hoàng Thanh Phong																																	0	0	0
28	Dương Bùi Tấn Phú																																	0	0	0
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước																																	0	0	0
30	Nguyễn Đào Nhã Phương																																	0	0	0
31	Võ Hồng Quân																																	0	0	0
32	Nguyễn Phúc Quân				K	K							K							K				K					K			K	7	0	7	
33	Nguyễn Trung Quân																																	0	0	0
34	Nguyễn Minh Tân																															P		1	1	0
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành																																	0	0	0
36	Lê Nguyễn Anh Thư																																	0	0	0
37	Nguyễn Đỗ Trọng																																	0	0	0
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền																																	0	0	0
40	Nguyễn Thảo Vy																																	0	0	0
41	Nguyễn Giang Yến Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	1	2	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	1	0	1	0	3	0	0	2	16	2	14

Ti lệ:

có phép: 12.50%
không phép: 87.50%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ngân

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4		TS	P	K
1	Trương Quốc Anh		K	K		K			K		K	K				K							K							K				9	0	9
2	Huỳnh Đăng Du																																	0	0	0
3	Châu Ngọc Ánh Dương		P																															1	1	0
4	Nguyễn Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Ngô Thị Ngọc Hiền																																	0	0	0
7	Trần Thị Huỳnh Hoa																																	0	0	0
8	Trần Vũ Hùng																																	0	0	0
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
10	Quách Thị Thuý Huỳnh		P																															1	1	0
11	Phạm Huỳnh Hương																																	0	0	0
12	Hồ Anh Khoa																																	0	0	0
13	Bùi Trần Đăng Khoa																																	0	0	0
14	Đặng Anh Kiệt																																	0	0	0
15	Huỳnh Tấn Kiệt																																	0	0	0
16	Dương Tuấn Kiệt																																	0	0	0
17	Võ Văn Là																																	0	0	0
18	Đỗ Thị Trúc Mai																																	0	0	0
19	Bùi Thị Trà My																																	0	0	0
20	Lê Thị Trà My																																	0	0	0
21	Phạm Thị Kim Ngân																																	0	0	0
22	Trà Kim Ngọc																																	0	0	0
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc									P												P												2	2	0
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi																																	0	0	0
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung																																	0	0	0
26	Lương Thị Kiều Oanh			K												K				K	K												4	0	4	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong																																	0	0	0
28	Dương Bùi Tấn Phú																																	0	0	0
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước																																	0	0	0
30	Nguyễn Đào Nhã Phương																																	0	0	0
31	Võ Hồng Quân																																	0	0	0
32	Nguyễn Phúc Quân			K	K	K			K	K		K				K			K			K											9	0	9	
33	Nguyễn Trung Quân																																	0	0	0
34	Nguyễn Minh Tân																																	0	0	0
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành																																	0	0	0
36	Lê Nguyễn Anh Thư																																	0	0	0
37	Nguyễn Đỗ Trọng																																	0	0	0
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền																					P											1	1	0	
40	Nguyễn Thảo Vy																																	0	0	0
41	Nguyễn Giang Yến Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		3	3	1	2	0	0	2	2	1	2	0	0	0	3	0	0	1	1	1	0	4	0	0	0	0	0	0	1	0	0		27	5	22

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 18.52%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 81.48%		
	Trần Thị Kim Ngân	Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhh	Ghi Chú
1	Trương Quốc Anh	5,0	1,0	6,0	1,0		5,0	2,8	3,5	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
2	Huỳnh Đăng Du	9,0	9,0	8,0	7,0		4,0	6,8	6,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2
3	Châu Ngọc Ánh Dương	10,0	10,0	9,0	10,0		6,8	7,0	8,2	Học tốt
4	Nguyễn Thành Đạt	8,0	9,0	8,0	8,0		4,5	6,3	6,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	8,0	9,0	9,0		7,8	8,8	8,6	Học tốt
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	9,0	8,0	9,0	8,0		8,0	7,5	8,1	Học tốt
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	9,0	9,0	9,0	10,0		8,3	6,3	8,1	Học khá, chăm ngoan
8	Trần Vũ Hùng	9,0	9,0	9,0	10,0		8,8	7,0	8,4	Học tốt, chăm ngoan
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	10,0	9,0	10,0	10,0		7,5	6,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	10,0	9,0	9,0	8,0		8,8	6,5	8,1	Học tốt
11	Phạm Huỳnh Hương	9,0	9,0	9,0	10,0		5,5	7,3	7,8	Học khá, chăm ngoan
12	Hồ Anh Khoa	9,0	8,0	9,0	10,0		7,3	8,5	8,5	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
13	Bùi Trần Đăng Khoa	8,0	9,0	8,0	8,0		6,3	5,3	6,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2
14	Đặng Anh Kiệt	10,0	7,0	9,0	8,0		7,3	5,8	7,3	Học khá
15	Huỳnh Tấn Kiệt	10,0	9,0	9,0	7,0		5,3	6,0	7,1	Học khá
16	Dương Tuấn Kiệt	8,0	9,0	9,0	4,0		6,3	5,0	6,4	Cần cố gắng ở học kỳ 2
17	Võ Văn Là	8,0	5,0	7,0	6,0		4,5	6,3	6,0	Cần cố gắng ở học kỳ 2
18	Đỗ Thị Trúc Mai	9,0	9,0	9,0	8,0		7,5	7,8	8,2	Học tốt, chăm ngoan
19	Bùi Thị Trà My	9,0	9,0	9,0	5,0		6,5	5,0	6,7	Cần cố gắng ở học kỳ 2
20	Lê Thị Trà My	9,0	9,0	9,0	8,0		4,3	5,5	6,7	Cần cố gắng ở học kỳ 2
21	Phạm Thị Kim Ngân	9,0	9,0	9,0	10,0		7,0	9,0	8,7	Học tốt, chăm ngoan
22	Trà Kim Ngọc	9,0	9,0	9,0	7,0		6,5	5,0	6,9	Cần cố gắng ở học kỳ 2
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	9,0	8,0	9,0	7,0		6,3	6,5	7,2	Học khá
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	9,0	9,0	9,0	10,0		6,3	7,5	8,0	Học tốt, chăm ngoan
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	10,0	9,0	9,0	10,0		8,0	9,5	9,2	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
26	Lương Thị Kiều Oanh	9,0	7,0	9,0	5,0		6,5	6,3	6,9	Cần cố gắng ở học kỳ 2
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	8,0	9,0	9,0	7,0		4,5	5,5	6,5	Cần cố gắng ở học kỳ 2
28	Dương Bùi Tấn Phú	9,0	8,0	8,0	8,0		6,0	7,0	7,3	Học khá
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	10,0	7,0	9,0	7,0		8,5	7,5	8,1	Học tốt
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	10,0	8,0	8,0	9,0		5,3	8,0	7,7	Học khá, chăm ngoan
31	Võ Hồng Quân	9,0	8,0	9,0	7,0		7,8	6,5	7,6	Học khá, ngoan
32	Nguyễn Phúc Quân	5,0	1,0	5,0	1,0		2,8	5,0	3,6	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
33	Nguyễn Trung Quân	9,0	7,0	9,0	7,0		5,0	5,5	6,5	Cần cố gắng ở học kỳ 2
34	Nguyễn Minh Tân	8,0	5,0	5,0	10,0		4,8	5,0	5,8	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành									
36	Lê Nguyễn Anh Thư	9,0	8,0	8,0	7,0		5,3	7,0	7,1	Học khá
37	Nguyễn Đỗ Trọng	8,0	9,0	10,0	6,0		5,5	8,0	7,6	Học khá
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10,0	8,0	9,0	9,0		6,8	6,5	7,7	Học khá
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền	10,0	10,0	9,0	9,0		9,8	7,0	8,7	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
40	Nguyễn Thảo Vy	10,0	9,0	8,0	9,0		6,5	6,3	7,5	Học khá, chăm ngoan
41	Nguyễn Giang Yến Vy	10,0	9,0	9,0	8,0		6,8	5,8	7,4	Học khá, chăm ngoan
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	9,0	9,0	9,0	7,0		8,3	6,5	7,8	Học khá

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ngân

HỌC KỲ I Vật lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Trương Quốc Anh	0,0	4,0	0,0			6,8	1,3	2,7	Tích cực hơn trong giờ học , cần tự tin khi trình bày kiến thức	
2	Huỳnh Đăng Du	9,0	8,0	9,0			7,8	7,5	8,0	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
3	Châu Ngọc Ánh Dương	8,0	7,0	10,0			8,5	6,5	7,7	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
4	Nguyễn Thành Đạt	9,0	6,0	9,0			7,8	6,0	7,2	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	4,0	10,0			9,3	7,5	7,9	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	10,0	7,0	10,0			9,0	7,5	8,4	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	10,0	7,0	10,0			9,3	6,8	8,3	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
8	Trần Vũ Hùng	8,0	7,0	9,0			9,8	9,0	8,8	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	10,0	7,0	9,0			7,0	8,5	8,2	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	10,0	7,0	0,0			9,8	7,3	7,3	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
11	Phạm Huỳnh Hương	9,0	7,0	10,0			8,3	5,0	7,2	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
12	Hồ Anh Khoa	8,0	6,0	9,0			8,8	8,3	8,2	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
13	Bùi Trần Đăng Khoa	9,0	7,0	9,0			7,3	5,8	7,1	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
14	Đặng Anh Kiệt	8,0	6,0	9,0			7,3	6,8	7,3	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
15	Huỳnh Tấn Kiệt	8,0	8,0	9,0			6,0	5,0	6,5	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
16	Dương Tuấn Kiệt	9,0	4,0	9,0			3,0	4,5	5,2	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.	
17	Võ Văn Lâ	8,0	4,0	8,0			6,3	5,5	6,1	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
18	Đỗ Thị Trúc Mai	10,0	8,0	9,0			9,3	7,8	8,6	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
19	Bùi Thị Trà My	10,0	8,0	10,0			6,3	7,3	7,8	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
20	Lê Thị Trà My	9,0	5,0	10,0			8,8	7,5	8,0	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
21	Phạm Thị Kim Ngân	10,0	10,0	10,0			9,0	8,0	9,0	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
22	Trà Kim Ngọc	10,0	7,0	10,0			5,8	6,0	7,1	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	8,0	7,0	8,0			9,3	7,5	8,0	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	10,0	7,0	10,0			8,3	6,8	8,0	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	10,0	10,0	10,0			9,5	8,3	9,2	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
26	Lương Thị Kiều Oanh	8,0	5,0	9,0			6,5	5,0	6,3	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	8,0	6,0	9,0			4,0	3,8	5,3	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.	
28	Dương Bùi Tấn Phú	8,0	6,0	9,0			8,8	5,3	7,1	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	8,0	5,0	0,0			9,3	6,5	6,4	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.	
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	9,0	9,0	10,0			9,3	8,5	9,0	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
31	Võ Hồng Quân	9,0	7,0	8,0			9,0	5,5	7,3	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
32	Nguyễn Phúc Quân	0,0	4,0	0,0			6,0	1,5	2,6	Tích cực hơn trong giờ học , cần tự tin khi trình bày kiến thức	
33	Nguyễn Trung Quân	8,0	6,0	9,0			9,8	5,0	7,2	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
34	Nguyễn Minh Tân	9,0	6,0	0,0			7,3	3,3	4,9	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.	
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành										
36	Lê Nguyễn Anh Thư	9,0	8,0	10,0			9,3	4,0	7,2	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
37	Nguyễn Đỗ Trọng	9,0	7,0	8,0			9,3	6,3	7,7	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9,0	7,0	10,0			8,5	4,8	7,2	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
39	Nguyễn Đăng Mỹ Tuyền	10,0	10,0	10,0			7,5	6,8	8,2	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
40	Nguyễn Thảo Vy	9,0	7,0	10,0			8,0	5,3	7,2	Tích cực tham gia bài học, phát biểu ý kiến trong giờ học.	
41	Nguyễn Giang Yến Vy	9,0	8,0	10,0			9,0	6,3	8,0	Tích cực đóng góp xây dựng bài học , sáng tạo khi trình bày kiến thức.	
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	9,0	4,0	9,0			9,0	3,0	6,1	Tích cực trong giờ học, cần tự tin khi trình bày kiến thức.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thanh Tâm

Hóa học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Trương Quốc Anh	5,0	6,0	6,0			4,0	4,5	4,8	học yếu, ý thức học tập chưa tốt	
2	Huỳnh Đăng Du	8,0	9,0	9,0			6,8	7,8	7,9	học khá, cố gắng thêm	
3	Châu Ngọc Ánh Dương	6,0	7,0	8,0			4,8	6,0	6,1	học được, cần cố gắng nhiều hơn	
4	Nguyễn Thành Đạt	8,0	9,0	9,0			5,5	9,0	8,0	học tốt, cần phát huy	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,5	8,5	8,5			6,8	7,5	7,6	học khá, cố gắng thêm	
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	8,5	9,0	9,5			7,5	8,5	8,4	học tốt, cần phát huy	
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	8,5	9,0	9,5			7,8	9,5	8,9	học tốt, cần phát huy	
8	Trần Vũ Hùng	9,0	9,5	9,5			7,5	9,8	9,1	học giỏi, ý thức học tập tốt	
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	7,5	8,5	8,5			5,0	8,5	7,5	học khá, cố gắng thêm	
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	9,0	7,0	8,0			6,0	6,0	6,8	học khá, cố gắng thêm	
11	Phạm Huỳnh Hương	9,0	9,5	9,5			6,8	9,5	8,8	học tốt, cần phát huy	
12	Hồ Anh Khoa	9,0	9,5	9,5			7,5	9,5	8,9	học tốt, cần phát huy	
13	Bùi Trần Đăng Khoa	6,5	7,5	7,5			4,5	7,3	6,6	học khá, cố gắng thêm	
14	Đặng Anh Kiệt	5,0	6,0	8,0			3,8	3,8	4,8	học yếu, ý thức học tập chưa tốt	
15	Huỳnh Tấn Kiệt	8,0	8,5	8,5			7,5	7,5	7,8	học khá, cố gắng thêm	
16	Dương Tuấn Kiệt	6,5	7,5	7,5			5,0	6,5	6,4	học được, cần cố gắng nhiều hơn	
17	Võ Văn Lâ	6,5	7,0	7,0			6,0	5,8	6,2	học được, cần cố gắng nhiều hơn	
18	Đỗ Thị Trúc Mai	9,0	9,5	9,5			8,0	9,3	9,0	học giỏi, ý thức học tập tốt	
19	Bùi Thị Trà My	9,5	9,5	10,0			9,3	9,8	9,6	học giỏi, ý thức học tập tốt	
20	Lê Thị Trà My	8,5	9,0	9,5			8,0	8,3	8,5	học tốt, cần phát huy	
21	Phạm Thị Kim Ngân	7,5	8,5	8,5			5,0	8,5	7,5	học khá, cố gắng thêm	
22	Trà Kim Ngọc	9,0	9,5	9,5			7,3	9,5	8,9	học tốt, cần phát huy	
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	9,0	9,5	9,5			7,5	9,3	8,9	học tốt, cần phát huy	
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	8,0	8,5	8,5			6,3	8,5	7,9	học khá, cố gắng thêm	
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	10,0	9,5	10,0			8,5	9,8	9,5	học giỏi, ý thức học tập tốt	
26	Lương Thị Kiều Oanh	7,0	7,0	7,5			6,0	7,0	6,8	học khá, cố gắng thêm	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	7,0	7,0	7,5			6,3	6,3	6,6	học khá, cố gắng thêm	
28	Dương Bùi Tấn Phú	7,5	8,0	8,0			4,8	7,5	7,0	học khá, cố gắng thêm	
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	6,0	7,0	7,0			5,0	6,3	6,1	học được, cần cố gắng nhiều hơn	
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	8,0	8,5	9,0			5,8	9,0	8,0	học tốt, cần phát huy	
31	Võ Hồng Quân	6,0	7,0	7,0			5,8	5,5	6,0	học được, cần cố gắng nhiều hơn	
32	Nguyễn Phúc Quân	4,0	5,0	6,0			5,5	4,0	4,8	học yếu, ý thức học tập chưa tốt	
33	Nguyễn Trung Quân	6,0	6,0	7,0			3,8	6,3	5,7	học được, cần cố gắng nhiều hơn	
34	Nguyễn Minh Tân	7,0	8,0	8,5			5,8	8,0	7,4	học khá, cố gắng thêm	
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành										
36	Lê Nguyễn Anh Thư	7,0	7,0	8,0			6,0	6,5	6,7	học khá, cố gắng thêm	
37	Nguyễn Đỗ Trọng	7,0	7,0	7,5			6,3	6,0	6,5	học khá, cố gắng thêm	
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	8,0	8,5			7,5	7,5	7,8	học khá, cố gắng thêm	
39	Nguyễn Đăng Mỹ Tuyền	10,0	9,5	9,5			9,0	9,5	9,4	học giỏi, ý thức học tập tốt	
40	Nguyễn Thảo Vy	9,0	9,0	9,5			8,0	9,3	8,9	học tốt, cần phát huy	
41	Nguyễn Giang Yến Vy	8,0	8,5	9,0			7,0	8,3	8,1	học tốt, cần phát huy	
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	8,0	8,0	8,5			6,0	8,0	7,6	học khá, cố gắng thêm	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Lê Tấn Đức

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Trương Quốc Anh	8,0	5,0	7,0			5,8	5,5	6,0	có cố gắng trong học tập	
2	Huỳnh Đăng Du	10,0	5,0	8,0			7,0	7,5	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập	
3	Châu Ngọc Ánh Dương	7,0	7,0	8,0			8,5	8,5	8,1	học tốt, ngoan	
4	Nguyễn Thành Đạt	10,0	5,0	6,0			5,6	6,3	6,4	có cố gắng trong học tập	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	7,0	7,0			6,5	7,0	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập	
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	10,0	6,0	8,0			7,6	7,3	7,6	học khá, có cố gắng trong học tập	
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	10,0	7,0	7,0			8,8	8,5	8,4	học tốt, ngoan	
8	Trần Vũ Hùng	10,0	7,0	7,0			5,8	7,8	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập	
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	10,0	5,0	8,0			7,0	7,0	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập	
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	9,0	7,0	6,0			6,0	8,8	7,6	học khá, có cố gắng trong học tập	
11	Phạm Huỳnh Hương	9,0	8,0	7,0			5,8	8,5	7,6	học khá, có cố gắng trong học tập	
12	Hồ Anh Khoa	10,0	8,0	8,0			5,0	6,8	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập	
13	Bùi Trần Đăng Khoa	10,0	5,0	8,0			5,3	7,3	6,9	có cố gắng trong học tập	
14	Đặng Anh Kiệt	9,0	6,5	6,0			6,5	6,5	6,8	có cố gắng trong học tập	
15	Huỳnh Tấn Kiệt	10,0	5,0	8,0			6,5	6,3	6,9	có cố gắng trong học tập	
16	Dương Tuấn Kiệt	10,0	4,0	8,0			5,8	7,3	6,9	có cố gắng trong học tập	
17	Võ Văn Lâ	9,0	7,0	8,0			3,6	7,8	6,8	có cố gắng trong học tập	
18	Đỗ Thị Trúc Mai	10,0	7,0	7,0			4,3	8,5	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập	
19	Bùi Thị Trà My	10,0	3,0	8,0			10,0	7,8	8,1	học tốt, ngoan	
20	Lê Thị Trà My	9,0	7,0	7,0			7,3	7,3	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập	
21	Phạm Thị Kim Ngân	9,0	6,0	7,0			5,8	7,3	6,9	có cố gắng trong học tập	
22	Trà Kim Ngọc	10,0	3,0	8,0			5,8	7,3	6,8	có cố gắng trong học tập	
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	10,0	7,0	6,0			8,6	3,5	6,3	có cố gắng trong học tập	
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	9,0	9,0	7,0			5,3	8,3	7,6	học khá, có cố gắng trong học tập	
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	9,0	6,0	8,0			5,5	8,3	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập	
26	Lương Thị Kiều Oanh	8,0	3,0	7,0			5,5	7,3	6,4	có cố gắng trong học tập	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	10,0	4,0	7,0			7,0	6,8	6,9	có cố gắng trong học tập	
28	Dương Bùi Tấn Phú	9,0	5,0	8,0			3,3	7,3	6,3	có cố gắng trong học tập	
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	9,0	6,0	7,0			7,3	7,3	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập	
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	10,0	7,0	6,0			7,5	6,3	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập	
31	Võ Hồng Quân	10,0	6,0	7,0			7,5	8,0	7,8	học khá, có cố gắng trong học tập	
32	Nguyễn Phúc Quân	8,0	6,0	7,0			2,5	2,8	4,3	cần cố gắng hơn ở học kì 2	
33	Nguyễn Trung Quân	10,0	7,0	8,0			8,0	5,8	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập	
34	Nguyễn Minh Tân	10,0	5,0	8,0			5,5	6,5	6,7	có cố gắng trong học tập	
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành										
36	Lê Nguyễn Anh Thư	10,0	7,0	7,0			5,0	8,0	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập	
37	Nguyễn Đỗ Trọng	10,0	6,0	8,0			7,5	8,0	7,9	học khá, có cố gắng trong học tập	
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9,0	7,0	7,0			5,5	6,8	6,8	có cố gắng trong học tập	
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền	10,0	5,0	8,0			7,3	8,8	8,0	học tốt, ngoan	
40	Nguyễn Thảo Vy	9,0	7,0	6,0			6,0	6,5	6,7	có cố gắng trong học tập	
41	Nguyễn Giang Yến Vy	9,0	8,0	7,0			5,5	7,8	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập	
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	9,0	7,0	8,0			6,0	7,8	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Linh, Phạm Thị Thu

HỌC KỲ I Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhhk	Ghi Chú	
1	Trương Quốc Anh	4,0	0,0	0,0	0,0		5,0	4,0	2,9	Chưa đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng nhiều hơn	
2	Huỳnh Đăng Du	5,0	5,0	6,0	6,0		6,0	5,5	5,6	Đạt yêu cầu cơ bản	
3	Châu Ngọc Ánh Dương	5,0	6,0	6,0	5,0		6,0	5,5	5,6	Đạt yêu cầu cơ bản	
4	Nguyễn Thành Đạt	5,0	5,0	6,0	5,0		6,0	5,5	5,5	Đạt yêu cầu cơ bản	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	5,0	6,0	6,0	6,0		6,0	5,0	5,6	Đạt yêu cầu cơ bản	
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	6,0	6,0	7,0	6,0		7,0	6,0	6,3	Đạt yêu cầu cơ bản	
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	6,0	6,0	7,0	5,0		7,0	6,0	6,2	Đạt yêu cầu cơ bản	
8	Trần Vũ Hùng	5,0	6,0	6,0	6,0		6,0	4,5	5,4	Đạt yêu cầu cơ bản	
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	5,0	5,0	6,0	6,0		6,0	4,5	5,3	Đạt yêu cầu cơ bản	
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	5,0	6,0	6,0	5,0		6,0	5,0	5,4	Đạt yêu cầu cơ bản	
11	Phạm Huỳnh Hương	6,0	6,0	7,0	7,0		7,0	6,0	6,4	Đạt yêu cầu cơ bản	
12	Hồ Anh Khoa	5,0	6,0	6,0	5,0		6,0	5,0	5,4	Đạt yêu cầu cơ bản	
13	Bùi Trần Đăng Khoa	5,0	6,0	6,0	5,0		6,0	4,5	5,3	Đạt yêu cầu cơ bản	
14	Đặng Anh Kiệt	4,0	5,0	6,0	5,0		6,0	3,5	4,7	Cần cố gắng nhiều hơn	
15	Huỳnh Tấn Kiệt	5,0	5,0	6,0	6,0		6,0	5,0	5,4	Đạt yêu cầu cơ bản	
16	Dương Tuấn Kiệt	5,0	5,0	6,0	6,0		6,0	3,0	4,8	Đạt yêu cầu cơ bản	
17	Võ Văn Lâ	4,0	5,0	6,0	4,0		6,0	4,5	4,9	Cần cố gắng nhiều hơn	
18	Đỗ Thị Trúc Mai	5,0	6,0	6,0	6,0		6,0	6,5	6,1	Đạt yêu cầu cơ bản	
19	Bùi Thị Trà My	6,0	7,0	6,0	6,0		6,0	4,0	5,4	Đạt yêu cầu cơ bản	
20	Lê Thị Trà My	5,0	6,0	6,0	7,0		6,0	5,5	5,8	Đạt yêu cầu cơ bản	
21	Phạm Thị Kim Ngân	5,0	6,0	6,0	5,0		6,0	7,5	6,3	Đạt yêu cầu cơ bản	
22	Trà Kim Ngọc	6,0	7,0	7,0	8,0		7,0	6,5	6,8	Đạt yêu cầu cơ bản	
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	5,0	6,0	6,0	7,0		6,0	6,0	6,0	Đạt yêu cầu cơ bản	
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	5,0	6,0	6,0	6,0		6,0	5,0	5,6	Đạt yêu cầu cơ bản	
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	7,0	8,0	8,0	7,0		8,0	8,0	7,8	Đạt yêu cầu cơ bản, có nhiều cố gắng trong học tập, học khá, chăm ngoan	
26	Lương Thị Kiều Oanh	3,0	5,0	6,0	6,0		6,0	3,5	4,7	Đạt yêu cầu cơ bản	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	5,0	5,0	6,0	6,0		6,0	3,0	4,8	Đạt yêu cầu cơ bản	
28	Dương Bùi Tấn Phú	4,0	5,0	5,0	6,0		6,0	6,0	5,6	Đạt yêu cầu cơ bản	
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	5,0	6,0	6,0	5,0		6,0	5,0	5,4	Đạt yêu cầu cơ bản	
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	5,0	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	5,9	Đạt yêu cầu cơ bản	
31	Võ Hồng Quân	5,0	6,0	6,0	5,0		6,0	5,0	5,4	Đạt yêu cầu cơ bản	
32	Nguyễn Phúc Quân	3,0	0,0	0,0	0,0		2,0	4,0	2,1	Chưa đạt yêu cầu cơ bản. Cần cố gắng nhiều hơn	
33	Nguyễn Trung Quân	5,0	6,0	6,0	6,0		6,0	3,5	5,1	Đạt yêu cầu cơ bản	
34	Nguyễn Minh Tân	6,0	7,0	7,0	6,0		7,0	4,5	5,9	Đạt yêu cầu cơ bản	
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành										
36	Lê Nguyễn Anh Thư	5,0	6,0	6,0	6,0		6,0	5,0	5,6	Đạt yêu cầu cơ bản	
37	Nguyễn Đỗ Trọng	6,0	7,0	6,0	5,0		6,0	6,0	6,0	Đạt yêu cầu cơ bản	
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	6,0	6,0	7,0	6,0		7,0	6,5	6,5	Đạt yêu cầu cơ bản	
39	Nguyễn Đăng Mỹ Tuyền	7,0	8,0	8,0	7,0		8,0	9,0	8,1	Đạt yêu cầu cơ bản, có nhiều cố gắng trong học tập, học khá, chăm ngoan	
40	Nguyễn Thảo Vy	5,0	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	5,9	Đạt yêu cầu cơ bản	
41	Nguyễn Giang Yến Vy	6,0	7,0	6,0	5,0		6,0	4,5	5,5	Đạt yêu cầu cơ bản	
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	5,0	6,0	6,0	6,0		6,0	4,5	5,4	Đạt yêu cầu cơ bản	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mã Thành Thái

Lịch sử HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTB mhh	Ghi Chú	
1	Trương Quốc Anh	5,0	3,0	5,0			4,3	7,8	5,6	Cần cố gắng	
2	Huỳnh Đăng Du	8,0	9,0	8,0			7,5	9,0	8,4	Học tốt chăm ngoan	
3	Châu Ngọc Ánh Dương	7,0	9,0	8,0			8,5	9,0	8,5	Học tốt chăm ngoan	
4	Nguyễn Thành Đạt	8,0	8,0	9,0			3,3	7,5	6,8	Cần cố gắng	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	9,0	8,0			7,3	9,0	8,2	Học tốt chăm ngoan	
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	8,0	9,0	8,0			8,0	9,0	8,5	Học tốt chăm ngoan	
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	8,0	9,0	8,0			9,0	9,0	8,8	Học tốt chăm ngoan	
8	Trần Vũ Hùng	8,0	9,0	7,0			9,3	8,3	8,4	Học tốt chăm ngoan	
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	7,0	8,0	5,0			8,0	8,3	7,6	Học khá	
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	7,0	9,0	8,0			5,8	9,0	7,8	Cần cố gắng ở HK 2	
11	Phạm Huỳnh Hương	8,0	9,0	8,0			8,3	10,0	9,0	Học tốt chăm ngoan	
12	Hồ Anh Khoa	8,0	9,0	7,0			5,8	7,5	7,3	Học khá	
13	Bùi Trần Đăng Khoa	8,0	8,0	5,0			8,5	8,3	7,9	Cần cố gắng ở HK 2	
14	Đặng Anh Kiệt	7,0	9,0	8,0			6,5	8,5	7,8	Cần cố gắng ở HK 2	
15	Huỳnh Tấn Kiệt	8,0	9,0	7,0			5,0	8,5	7,4	Học khá	
16	Dương Tuấn Kiệt	8,0	8,0	8,0			3,5	9,0	7,3	Học khá	
17	Võ Văn Lâ	7,0	8,0	8,0			5,3	7,5	7,0	Học khá	
18	Đỗ Thị Trúc Mai	8,0	9,0	8,0			8,5	9,0	8,6	Học tốt chăm ngoan	
19	Bùi Thị Trà My	8,0	9,0	8,0			8,5	9,5	8,8	Học tốt chăm ngoan	
20	Lê Thị Trà My	8,0	9,0	8,0			8,5	9,0	8,6	Học tốt chăm ngoan	
21	Phạm Thị Kim Ngân	8,0	9,0	8,0			8,0	9,0	8,5	Học tốt chăm ngoan	
22	Trà Kim Ngọc	8,0	9,0	8,0			7,8	9,5	8,6	Học tốt chăm ngoan	
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	9,0	9,0	8,0			8,8	9,0	8,8	Học tốt chăm ngoan	
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	7,0	9,0	8,0			7,8	9,0	8,3	Học tốt chăm ngoan	
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	9,0	9,0	8,0			9,0	10,0	9,3	Học tốt chăm ngoan	
26	Lương Thị Kiều Oanh	5,0	5,0	3,0			7,0	7,5	6,2	Cần cố gắng	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	5,0	8,0	7,0			1,8	7,5	5,8	Cần cố gắng	
28	Dương Bùi Tấn Phú	9,0	7,0	8,0			5,0	9,0	7,6	Học khá	
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	7,0	8,0	8,0			7,8	9,0	8,2	Học tốt chăm ngoan	
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	9,0	9,0	7,0			9,8	10,0	9,3	Học tốt chăm ngoan	
31	Võ Hồng Quân	5,0	7,0	5,0			5,0	8,3	6,5	Cần cố gắng	
32	Nguyễn Phúc Quân	5,0	7,0	3,0			6,0	8,3	6,5	Cần cố gắng	
33	Nguyễn Trung Quân	8,0	8,0	7,0			5,0	7,5	6,9	Cần cố gắng	
34	Nguyễn Minh Tân	8,0	7,0	5,0			5,0	7,5	6,6	Cần cố gắng	
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành										
36	Lê Nguyễn Anh Thư	8,0	7,0	7,0			7,8	9,0	8,1	Học tốt chăm ngoan	
37	Nguyễn Đỗ Trọng	9,0	7,0	7,0			8,5	8,5	8,2	Học tốt chăm ngoan	
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	7,0	9,0	8,0			5,0	9,0	7,6	Học khá	
39	Nguyễn Đăng Mỹ Tuyền	9,0	9,0	9,0			9,8	10,0	9,6	Học tốt chăm ngoan	
40	Nguyễn Thảo Vy	9,0	9,0	9,0			8,0	9,0	8,8	Học tốt chăm ngoan	
41	Nguyễn Giang Yến Vy	8,0	9,0	8,0			8,0	10,0	8,9	Học tốt chăm ngoan	
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	7,0	9,0	8,0			5,5	8,5	7,6	Học khá	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

Ngoại ngữ 1

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhhk	Ghi Chú
1	Trương Quốc Anh	3,0	1,0	1,0	1,0		1,8	1,6	1,6	Chưa cố gắng, cần cố gắng nhiều hơn ở HKII
2	Huỳnh Đăng Du	10,0	6,5	7,5	6,5		4,4	3,8	5,6	Học được, cần cố gắng hơn
3	Châu Ngọc Ánh Dương	10,0	10,0	10,0	4,0		6,0	6,5	7,3	Học khá, chăm
4	Nguyễn Thành Đạt	5,0	7,5	3,0	5,0		3,4	3,4	4,2	Cần cố gắng nhiều hơn
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	10,0	9,5	10,0		6,0	4,2	7,0	Học khá, chăm
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	9,0	9,0	8,0	10,0		6,0	6,8	7,6	Học khá, chăm, ngoan
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	9,0	7,5	10,0	3,0		6,2	5,5	6,5	Học khá, chăm
8	Trần Vũ Hùng	10,0	8,0	10,0	9,0		5,6	6,0	7,4	Học khá, chăm
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	8,0	9,0	8,5	10,0		4,0	4,0	6,2	Học được, ngoan
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	10,0	10,0	10,0	2,0		5,3	5,6	6,6	Học khá, chăm
11	Phạm Huỳnh Hương	10,0	7,5	4,0	6,0		5,2	5,0	5,9	Học được, cần cố gắng hơn
12	Hồ Anh Khoa	10,0	5,0	7,5	4,0		4,5	6,0	5,9	Học được, cần cố gắng hơn
13	Bùi Trần Đăng Khoa	8,0	9,0	7,5	6,5		3,2	5,4	6,0	Học được, ngoan
14	Đặng Anh Kiệt	10,0	9,0	10,0	8,5		5,4	3,8	6,6	Học khá, chăm
15	Huỳnh Tấn Kiệt	6,0	8,0	7,5	4,0		7,5	5,5	6,3	Học được
16	Dương Tuấn Kiệt	10,0	9,5	10,0	4,5		4,2	3,8	6,0	Học được
17	Võ Văn Lâ	10,0	10,0	2,0	6,0		5,0	3,8	5,5	Học được, cần cố gắng hơn
18	Đỗ Thị Trúc Mai	9,0	7,0	10,0	2,5		6,2	6,6	6,7	Học khá, chăm
19	Bùi Thị Trà My	10,0	9,0	10,0	10,0		5,2	7,2	7,9	Học khá, chăm, ngoan
20	Lê Thị Trà My	3,0	10,0	7,5	3,0		5,4	5,4	5,6	Học được, cần cố gắng hơn
21	Phạm Thị Kim Ngân	10,0	7,5	3,0	5,0		6,4	6,2	6,3	Học được, ngoan
22	Trà Kim Ngọc	9,0	10,0	10,0	10,0		6,0	6,0	7,7	Học khá, chăm, ngoan
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	9,0	9,0	8,5	3,5		5,0	4,2	5,8	Học được, cần cố gắng hơn
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	9,0	10,0	10,0	7,5		6,0	4,6	6,9	Học khá, chăm
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	9,0	10,0	7,5	5,0		7,4	5,6	7,0	Học khá, chăm
26	Lương Thị Kiều Oanh	9,0	10,0	9,5	8,5		4,5	4,2	6,5	Học khá, chăm
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	10,0	2,0	5,0	2,0		4,0	4,0	4,3	Cần cố gắng hơn
28	Dương Bùi Tấn Phú	7,0	6,5	5,0	7,0		5,2	3,4	5,1	Học được, cần cố gắng hơn
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	8,0	6,0	10,0	5,5		6,0	4,2	6,0	Học được
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	9,0	9,0	7,0	10,0		6,6	7,0	7,7	Học khá, chăm, ngoan
31	Võ Hồng Quân	10,0	9,0	10,0	7,5		5,5	5,4	7,1	Học khá, chăm
32	Nguyễn Phúc Quân	7,5	1,0	1,0	1,0		1,5	2,5	2,3	Chưa cố gắng, cần cố gắng hơn nhiều ở HKII
33	Nguyễn Trung Quân	8,0	3,0	7,5	2,0		5,2	4,8	5,0	Học được, cần cố gắng hơn
34	Nguyễn Minh Tân	9,0	10,0	8,0	10,0		4,6	3,8	6,4	Học được, chăm
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành									
36	Lê Nguyễn Anh Thư	9,0	5,5	7,5	5,0		5,2	5,0	5,8	Học được, cần cố gắng hơn
37	Nguyễn Đỗ Trọng	7,5	7,5	10,0	7,5		6,4	4,4	6,5	Học khá, chăm
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9,0	8,0	8,5	10,0		4,2	5,8	6,8	Học khá, chăm
39	Nguyễn Đăng Mỹ Tuyền	10,0	9,0	10,0	10,0		9,0	6,8	8,6	Giỏi, chăm, ngoan
40	Nguyễn Thảo Vy	10,0	6,5	7,5	2,0		6,0	5,6	6,1	Học được, chăm
41	Nguyễn Giang Yến Vy	10,0	7,5	2,0	6,0		4,6	5,6	5,7	Học được, cần cố gắng hơn
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	10,0	10,0	8,0	7,0		7,0	6,6	7,6	Học khá, chăm, ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Giang

Giáo Dục Quốc Phòng

Giáo Dục Quốc Phòng

Giáo Dục Quốc Phòng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hằng

Công nghệ cơ khí

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhh	Ghi Chú
1	Trương Quốc Anh	3,0	4,0	5,0			4,0	0,0	2,5	Phải nỗ lực nhiều hơn
2	Huỳnh Đăng Du	10,0	9,0	8,0			8,0	8,0	8,4	Ngoan, chăm chỉ
3	Châu Ngọc Ánh Dương	10,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,6	Có cố gắng
4	Nguyễn Thành Đạt	8,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,2	Có cố gắng
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	8,0	8,0			9,0	8,0	8,5	Có cố gắng
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	9,0	8,0	8,0			9,0	7,5	8,2	Học khá, chăm ngoan
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	9,0	8,0	8,0			9,0	7,5	8,2	Học giỏi, chăm ngoan
8	Trần Vũ Hùng	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Cần cố gắng ở học kỳ 2
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	9,0	9,0	8,0			8,0	7,5	8,1	Ngoan, chăm chỉ
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Ngoan, chăm chỉ
11	Phạm Huỳnh Hương	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Ngoan, chăm chỉ
12	Hồ Anh Khoa	10,0	8,0	9,0			9,0	8,0	8,6	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
13	Bùi Trần Đăng Khoa	9,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,5	Ngoan, chăm chỉ
14	Đặng Anh Kiệt	10,0	8,0	8,0			8,0	7,5	8,1	Ngoan, cần cố gắng hơn
15	Huỳnh Tấn Kiệt	10,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,6	Ngoan, cần cố gắng hơn
16	Dương Tuấn Kiệt	9,0	8,0	8,0			9,0	7,5	8,2	Ngoan, cần cố gắng hơn
17	Võ Văn Lâ	9,0	9,0	8,0			8,0	7,5	8,1	Cần cố gắng ở học kỳ 2
18	Đỗ Thị Trúc Mai	9,0	9,0	8,0			8,0	7,5	8,1	Ngoan, chăm chỉ
19	Bùi Thị Trà My	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Ngoan, chăm chỉ
20	Lê Thị Trà My	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Ngoan, chăm chỉ
21	Phạm Thị Kim Ngân	10,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,6	Ngoan, chăm chỉ
22	Trà Kim Ngọc	10,0	9,0	8,0			8,0	8,0	8,4	Ngoan, chăm chỉ
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	8,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,2	Ngoan, cần cố gắng hơn
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	9,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,5	Ngoan, chăm chỉ
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	10,0	8,0	9,0			8,0	8,0	8,4	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
26	Lương Thị Kiều Oanh	6,0	6,0	6,0			8,0	7,5	7,1	Cần cố gắng ở học kỳ 2
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Cần cố gắng ở học kỳ 2
28	Dương Bùi Tấn Phú	10,0	8,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Ngoan, chăm chỉ
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	6,0	8,0	8,0			8,0	7,0	7,4	Học khá
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	10,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,4	Ngoan, cần cố gắng hơn
31	Võ Hồng Quân	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Ngoan, cần cố gắng hơn
32	Nguyễn Phúc Quân	3,0	4,0	6,0			4,0	3,5	3,9	Phải nỗ lực nhiều hơn
33	Nguyễn Trung Quân	10,0	9,0	9,0			8,0	7,5	8,3	Cần cố gắng ở học kỳ 2
34	Nguyễn Minh Tân	8,0	9,0	8,0			9,0	7,0	8,0	Cần cố gắng ở học kỳ 2
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành									
36	Lê Nguyễn Anh Thư	10,0	8,0	8,0			9,0	8,0	8,5	Ngoan, chăm chỉ
37	Nguyễn Đỗ Trọng	10,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,6	Ngoan, cần cố gắng hơn
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,6	Ngoan, cần cố gắng hơn
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền	10,0	8,0	9,0			8,0	8,0	8,4	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
40	Nguyễn Thảo Vy	9,0	8,0	8,0			9,0	7,5	8,2	Ngoan, chăm chỉ
41	Nguyễn Giang Yến Vy	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Ngoan, chăm chỉ
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	10,0	9,0	8,0			8,0	7,5	8,2	Ngoan, cần cố gắng hơn

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 27/48

Giáo dục địa phương											
HỌC KỲ I											
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)											
STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)					Thường Xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ		Học kỳ
1	Trương Quốc Anh	Đ	Đ								
2	Huỳnh Đăng Du	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3	Châu Ngọc Ánh Dương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
8	Trần Vũ Hùng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
11	Phạm Huỳnh Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
12	Hồ Anh Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
13	Bùi Trần Đăng Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
14	Đặng Anh Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
15	Huỳnh Tấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
16	Dương Tuấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
17	Võ Văn Là	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
18	Đỗ Thị Trúc Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
19	Bùi Thị Trà My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
20	Lê Thị Trà My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
21	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
22	Trà Kim Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
26	Lương Thị Kiều Oanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
28	Dương Bùi Tấn Phú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
31	Võ Hồng Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
32	Nguyễn Phúc Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
33	Nguyễn Trung Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
34	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành										
36	Lê Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
37	Nguyễn Đỗ Trọng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
40	Nguyễn Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
41	Nguyễn Giang Yến Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Ngân, Nguyễn Văn Hiện, Đinh Thị Hồng Lan

HDTrN-HN

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Trương Quốc Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Cần cố gắng học tập
2	Huỳnh Đăng Du	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
3	Châu Ngọc Ánh Dương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
4	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
8	Trần Vũ Hùng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
11	Phạm Huỳnh Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
12	Hồ Anh Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
13	Bùi Trần Đăng Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
14	Đặng Anh Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
15	Huỳnh Tấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
16	Dương Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
17	Võ Văn Là	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
18	Đỗ Thị Trúc Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
19	Bùi Thị Trà My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
20	Lê Thị Trà My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
21	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
22	Trà Kim Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
26	Lương Thị Kiều Oanh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
28	Dương Bùi Tấn Phú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
31	Võ Hồng Quân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
32	Nguyễn Phúc Quân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Cần cố gắng học tập
33	Nguyễn Trung Quân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
34	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
35	Nguyễn-Ngọc-Xuân-Thành									
36	Lê Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
37	Nguyễn Đỗ Trọng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cần phát huy
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
40	Nguyễn Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2
41	Nguyễn Giang Yến Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	chăm ngoan, có cố gắng

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ cơ khí		
1	Trương Quốc Anh	Đ	Đ	Đ	3,5	2,7	4,8	6,0	2,9	5,6	1,6	5,3	2,5	CĐ	Đ
2	Huỳnh Đăng Du	Đ	Đ	Đ	6,8	8,0	7,9	7,4	5,6	8,4	5,6	7,8	8,4	K	T
3	Châu Ngọc Ánh Dương	Đ	Đ	Đ	8,2	7,7	6,1	8,1	5,6	8,5	7,3	8,5	8,6	K	T
4	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	6,8	7,2	8,0	6,4	5,5	6,8	4,2	7,1	8,2	Đ	T
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	8,6	7,9	7,6	7,1	5,6	8,2	7,0	8,2	8,5	K	T
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	Đ	Đ	Đ	8,1	8,4	8,4	7,6	6,3	8,5	7,6	8,6	8,2	K	T
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	Đ	Đ	Đ	8,1	8,3	8,9	8,4	6,2	8,8	6,5	8,1	8,2	K	T
8	Trần Vũ Hùng	Đ	Đ	Đ	8,4	8,8	9,1	7,4	5,4	8,4	7,4	9,1	8,3	K	T
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ	Đ	8,0	8,2	7,5	7,3	5,3	7,6	6,2	7,4	8,1	K	T
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	Đ	Đ	Đ	8,1	7,3	6,8	7,6	5,4	7,8	6,6	7,6	8,3	K	T
11	Phạm Huỳnh Hương	Đ	Đ	Đ	7,8	7,2	8,8	7,6	6,4	9,0	5,9	8,4	8,3	K	T
12	Hồ Anh Khoa	Đ	Đ	Đ	8,5	8,2	8,9	7,1	5,4	7,3	5,9	8,5	8,6	K	T
13	Bùi Trần Đăng Khoa	Đ	Đ	Đ	6,8	7,1	6,6	6,9	5,3	7,9	6,0	7,6	8,5	K	T
14	Đặng Anh Kiệt	Đ	Đ	Đ	7,3	7,3	4,8	6,8	4,7	7,8	6,6	8,1	8,1	Đ	T
15	Huỳnh Tấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	7,1	6,5	7,8	6,9	5,4	7,4	6,3	7,6	8,6	K	T
16	Dương Tuấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	6,4	5,2	6,4	6,9	4,8	7,3	6,0	7,7	8,2	Đ	T
17	Vô Văn Là	Đ	Đ	Đ	6,0	6,1	6,2	6,8	4,9	7,0	5,5	7,9	8,1	Đ	T
18	Đỗ Thị Trúc Mai	Đ	Đ	Đ	8,2	8,6	9,0	7,3	6,1	8,6	6,7	8,9	8,1	K	T
19	Bùi Thị Trà My	Đ	Đ	Đ	6,7	7,8	9,6	8,1	5,4	8,8	7,9	8,7	8,3	K	T
20	Lê Thị Trà My	Đ	Đ	Đ	6,7	8,0	8,5	7,4	5,8	8,6	5,6	8,0	8,3	K	T
21	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	8,7	9,0	7,5	6,9	6,3	8,5	6,3	8,2	8,6	K	T
22	Trà Kim Ngọc	Đ	Đ	Đ	6,9	7,1	8,9	6,8	6,8	8,6	7,7	8,2	8,4	K	T
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	Đ	Đ	Đ	7,2	8,0	8,9	6,3	6,0	8,8	5,8	7,8	8,2	K	T
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Đ	Đ	Đ	8,0	8,0	7,9	7,6	5,6	8,3	6,9	7,5	8,5	K	T
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	Đ	Đ	Đ	9,2	9,2	9,5	7,4	7,8	9,3	7,0	8,5	8,4	T	T
26	Lương Thị Kiều Oanh	Đ	Đ	Đ	6,9	6,3	6,8	6,4	4,7	6,2	6,5	8,8	7,1	Đ	K
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	Đ	Đ	Đ	6,5	5,3	6,6	6,9	4,8	5,8	4,3	8,5	8,3	Đ	T
28	Dương Bùi Tấn Phú	Đ	Đ	Đ	7,3	7,1	7,0	6,3	5,6	7,6	5,1	7,9	8,3	K	T
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	Đ	Đ	Đ	8,1	6,4	6,1	7,3	5,4	8,2	6,0	7,5	7,4	Đ	T
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	Đ	Đ	Đ	7,7	9,0	8,0	7,1	5,9	9,3	7,7	7,6	8,4	K	T
31	Vô Hồng Quân	Đ	Đ	Đ	7,6	7,3	6,0	7,8	5,4	6,5	7,1	8,0	8,3	K	T
32	Nguyễn Phúc Quân	Đ	Đ	Đ	3,6	2,6	4,8	4,3	2,1	6,5	2,3	4,0	3,9	CĐ	Đ
33	Nguyễn Trung Quân	Đ	Đ	Đ	6,5	7,2	5,7	7,3	5,1	6,9	5,0	7,4	8,3	K	T
34	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ	Đ	5,8	4,9	7,4	6,7	5,9	6,6	6,4	7,4	8,0	Đ	T
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành														
36	Lê Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ	Đ	7,1	7,2	6,7	7,3	5,6	8,1	5,8	8,6	8,5	K	T
37	Nguyễn Đỗ Trọng	Đ	Đ	Đ	7,6	7,7	6,5	7,9	6,0	8,2	6,5	8,4	8,6	K	T
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ	Đ	7,7	7,2	7,8	6,8	6,5	7,6	6,8	8,1	8,6	K	T
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	Đ	Đ	Đ	8,7	8,2	9,4	8,0	8,1	9,6	8,6	8,7	8,4	T	T
40	Nguyễn Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	7,5	7,2	8,9	6,7	5,9	8,8	6,1	8,3	8,2	K	T
41	Nguyễn Giang Yến Vy	Đ	Đ	Đ	7,4	8,0	8,1	7,3	5,5	8,9	5,7	7,6	8,3	K	T
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	Đ	Đ	Đ	7,8	6,1	7,6	7,4	5,4	7,6	7,6	8,1	8,2	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Trần Thị Kim Ngân

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Trương Quốc Anh	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	5,0	4,0	2,2	2.6			Chưa đạt
2	Huỳnh Đăng Du	9,0	9,0	10,0	10,0	8,0	5,0	6,3	7,5	7.3			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
3	Châu Ngọc Ánh Dương	9,0	9,0	10,0	9,0	8,0	8,0	6,3	8,0	8.1			Ngoan, có cố gắng
4	Nguyễn Thành Đạt	9,0	9,0	8,0	7,0	9,0	7,0	7,8	7,9	7.5			Có cố gắng
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	10,0	7,0	9,0	6,5	4,8	7,0	7.5			Phải nỗ lực nhiều hơn
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	9,0	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	6,5	8,4	8.3			Ngoan, chăm chỉ và có cố gắng
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	9,0	9,0	10,0	9,0	8,0	7,5	5,8	7,7	7.8			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
8	Trần Vũ Hùng	9,0	9,0	10,0	9,0	8,0	7,0	6,8	7,9	8.1			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	10,0	9,0	10,0	9,0	10,0	5,0	7,3	8,0	8.0			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	9,0	9,0	7,0	7,0	7,0	8,0	5,3	7,1	7.4			Ngoan, có cố gắng
11	Phạm Huỳnh Hương	9,0	9,0	10,0	10,0	9,0	6,8	8,0	8,5	8.3			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
12	Hồ Anh Khoa	9,0	9,0	10,0	9,0	10,0	5,8	6,8	7,9	8.1			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
13	Bùi Trần Đăng Khoa	8,0	9,0	10,0	9,0	7,0	6,3	5,8	7,3	7.1			Ngoan, có cố gắng
14	Đặng Anh Kiệt	9,0	9,0	10,0	8,0	8,0	7,8	7,0	8,1	7.8			Ngoan, có cố gắng
15	Huỳnh Tấn Kiệt	9,0	9,0	10,0	9,0	8,0	5,5	6,3	7,5	7.4			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
16	Dương Tuấn Kiệt	9,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,5	4,0	7,0	6.8			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
17	Võ Văn Là	8,0	9,0	10,0	9,0	6,0	6,3	5,0	7,0	6.7			Phải nỗ lực nhiều hơn
18	Đỗ Thị Trúc Mai	9,0	9,0	10,0	9,0	10,0	9,3	6,8	8,6	8.5			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
19	Bùi Thị Trà My	8,0	9,0	10,0	9,0	9,0	6,8	8,3	8,4	7.8			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
20	Lê Thị Trà My	9,0	9,0	10,0	9,0	8,0	5,5	6,8	7,6	7.3			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
21	Phạm Thị Kim Ngân	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	8,5	9,0	9,0	8.9			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
22	Trà Kim Ngọc	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	6,5	5,8	7,6	7.4			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	8,0	8,0	8,0	8,0	5,0	7,3	6,0	7,0	7.1			Có cố gắng
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,5	8,3	8,5	8.3			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	10,0	9,0	10,0	10,0	9,0	7,0	8,8	8,8	8.9			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
26	Lương Thị Kiều Oanh	9,0	9,0	8,0	5,0	5,0	6,5	7,0	7,0	7.0			Phải nỗ lực nhiều hơn
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	9,0	9,0	10,0	9,0	8,0	6,0	5,0	7,2	7.0			Phải nỗ lực nhiều hơn
28	Dương Bùi Tấn Phú	8,0	8,0	10,0	8,0	5,0	6,5	7,3	7,4	7.4			Phải nỗ lực nhiều hơn
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	10,0	7,0	10,0	7,0	7,0	4,5	5,0	6,5	7.0			Phải nỗ lực nhiều hơn
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	9,0	9,0	10,0	8,0	9,0	8,5	7,0	8,3	8.1			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
31	Võ Hồng Quân	8,0	9,0	10,0	8,0	6,0	5,8	7,5	7,5	7.5			Phải nỗ lực nhiều hơn
32	Nguyễn Phúc Quân	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	5,5	2,8	1,9	2.5			Chưa đạt
33	Nguyễn Trung Quân	9,0	9,0	10,0	9,0	9,0	5,5	6,3	7,6	7.2			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
34	Nguyễn Minh Tân	9,0	9,0	9,0	9,0	6,0	4,5	4,5	6,5	6.3			Phải nỗ lực nhiều hơn
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành												
36	Lê Nguyễn Anh Thư	9,0	9,0	7,0	6,0	6,0	5,3	7,0	6,9	7.0			Phải nỗ lực nhiều hơn
37	Nguyễn Đỗ Trọng	9,0	9,0	10,0	7,0	9,0	5,3	7,8	7,8	7.7			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9,0	9,0	10,0	7,0	9,0	5,5	8,0	7,9	7.8			Có cố gắng
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	10,0	9,0	10,0	10,0	10,0	7,0	8,5	8,9	8.8			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
40	Nguyễn Thảo Vy	9,0	9,0	9,0	10,0	8,0	6,5	8,0	8,2	8.0			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
41	Nguyễn Giang Yến Vy	9,0	9,0	10,0	9,0	8,0	6,0	8,8	8,3	8.0			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	9,0	9,0	10,0	9,0	6,0	7,8	4,3	7,2	7.4			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ngân

Vật lý HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Trương Quốc Anh	0,0	0,0	0,0			0,0	1,8	0,7	1.4			Chưa đạt
2	Huỳnh Đăng Du	9,0	9,0	9,0			7,8	8,8	8,6	8.4			Học giỏi, chăm chỉ.
3	Châu Ngọc Ánh Dương	10,0	6,0	9,0			8,8	7,8	8,3	8.1			Học giỏi, chăm chỉ.
4	Nguyễn Thành Đạt	8,0	8,0	9,0			7,3	7,3	7,7	7.5			Học khá, cần cố gắng hơn.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	7,0	9,0			7,8	9,0	8,6	8.4			Học giỏi, chăm chỉ.
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	7,0	8,0	9,0			8,5	9,0	8,5	8.5			Học giỏi, chăm chỉ.
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	7,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,1	8.2			Học giỏi, chăm chỉ.
8	Trần Vũ Hùng	9,0	7,0	9,0			9,0	8,5	8,6	8.7			Học giỏi, chăm chỉ.
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	9,0	7,0	8,0			8,3	7,8	8,0	8.1			Học giỏi, chăm chỉ.
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	10,0	8,0	7,0			8,8	9,3	8,8	8.3			Học giỏi, chăm chỉ.
11	Phạm Huỳnh Hương	10,0	9,0	9,0			7,8	8,5	8,6	8.1			Học giỏi, chăm chỉ.
12	Hồ Anh Khoa	10,0	8,0	9,0			9,3	8,5	8,9	8.7			Học giỏi, chăm chỉ.
13	Bùi Trần Đăng Khoa	7,0	8,0	9,0			8,5	6,3	7,5	7.4			Học khá, cần cố gắng hơn.
14	Đặng Anh Kiệt	10,0	8,0	8,0			6,8	6,3	7,3	7.3			Học khá, cần cố gắng hơn.
15	Huỳnh Tấn Kiệt	8,0	10,0	8,0			5,5	4,3	6,2	6.3			Học giỏi, chăm chỉ.
16	Dương Tuấn Kiệt	7,0	7,0	9,0			8,8	6,3	7,4	6.7			Học khá, cần cố gắng hơn.
17	Võ Văn Là	9,0	6,0	8,0			8,5	6,5	7,4	7.0			Học khá, cần cố gắng hơn.
18	Đỗ Thị Trúc Mai	7,0	7,0	9,0			8,5	9,3	8,5	8.5			Học giỏi, chăm chỉ.
19	Bùi Thị Trà My	8,0	10,0	9,0			9,0	8,5	8,8	8.5			Học giỏi, chăm chỉ.
20	Lê Thị Trà My	7,0	7,0	9,0			8,0	7,7	7,8	7.9			Học khá, cần cố gắng hơn.
21	Phạm Thị Kim Ngân	10,0	8,0	10,0			9,3	9,3	9,3	9.2			Học giỏi, chăm chỉ, chủ động học tập.
22	Trà Kim Ngọc	10,0	6,0	9,0			8,0	8,5	8,3	7.9			Học giỏi, chăm chỉ.
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	7,0	7,0	9,0			8,5	7,8	7,9	7.9			Học khá, cần cố gắng hơn.
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	10,0	9,0	10,0			8,3	7,3	8,4	8.3			Học giỏi, chăm chỉ.
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	10,0	8,0	9,0			8,5	7,8	8,4	8.7			Học giỏi, chăm chỉ.
26	Lương Thị Kiều Oanh	7,0	7,0	9,0			7,5	8,0	7,8	7.3			Học khá, cần cố gắng hơn.
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	10,0	7,0	9,0			6,0	5,5	6,8	6.3			Học khá, cần cố gắng hơn nữa.
28	Dương Bùi Tấn Phú	10,0	8,0	8,0			8,0	9,3	8,7	8.2			Học giỏi, chăm chỉ.
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	9,0	7,0	8,0			8,5	9,0	8,5	7.8			Học giỏi, chăm chỉ.
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	10,0	8,0	9,0			8,5	9,3	9,0	9.0			Học giỏi, chăm chỉ, chủ động học tập.
31	Võ Hồng Quân	7,0	7,0	8,0			8,0	8,3	7,9	7.7			Học giỏi, chăm chỉ.
32	Nguyễn Phúc Quân	0,0	0,0	0,0			0,0	1,5	0,6	1.3			Chưa đạt
33	Nguyễn Trung Quân	7,0	8,0	7,0			8,0	6,3	7,1	7.1			Học khá, cần cố gắng hơn.
34	Nguyễn Minh Tân	9,0	8,0	7,0			5,8	5,8	6,6	6.0			Học khá, cần cố gắng hơn nữa
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành												
36	Lê Nguyễn Anh Thư	7,0	8,0	9,0			8,5	6,5	7,6	7.5			Học khá, cần cố gắng hơn.
37	Nguyễn Đỗ Trọng	7,0	8,0	9,0			8,8	5,8	7,4	7.5			Học khá, cần cố gắng hơn.
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	9,0	9,0			8,5	7,8	8,3	7.9			Học giỏi, chăm chỉ.
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	10,0	10,0	9,0			9,0	7,8	8,8	8.6			Học giỏi, chăm chỉ.
40	Nguyễn Thảo Vy	8,0	7,0	9,0			8,8	8,3	8,3	7.9			Học giỏi, chăm chỉ.
41	Nguyễn Giang Yến Vy	8,0	7,0	9,0			8,5	8,5	8,3	8.2			Học giỏi, chăm chỉ.
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	8,0	9,0	9,0			8,3	7,8	8,3	7.6			Học giỏi, chăm chỉ.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thanh Tâm

Học kỳ II

Hóa học															(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐĐGtx						ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú															
												ĐTBmhkII	ĐTBmcn																
1	Trương Quốc Anh	5,0	6,0	4,0	5,0			5,5	4,5	4,9	4.9			học yếu, cần cố gắng nhiều hơn															
2	Huỳnh Đăng Du	7,5	8,5	7,0	7,5			6,8	7,8	7,5	7.6			học khá, cố gắng thêm															
3	Châu Ngọc Ánh Dương	7,5	8,5	7,0	7,5			6,3	8,3	7,6	7.1			học khá, cố gắng thêm															
4	Nguyễn Thành Đạt	7,0	8,0	6,5	7,0			5,3	8,0	7,0	7.3			học khá, cố gắng thêm															
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,5	9,5	8,0	8,5			8,0	8,8	8,5	8.2			học tốt, cần phát huy															
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	9,0	9,5	8,5	9,0			8,0	9,8	9,0	8.8			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	9,0	9,5	8,5	9,0			7,5	9,8	8,9	8.9			học tốt, cần phát huy															
8	Trần Vũ Hùng	9,0	9,5	9,0	9,5			9,8	9,0	9,3	9.2			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	7,5	8,5	7,0	7,5			5,8	8,5	7,5	7.5			học khá, cố gắng thêm															
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	8,5	9,0	8,0	8,5			8,3	8,8	8,6	8.0			học tốt, cần phát huy															
11	Phạm Huỳnh Hương	8,0	9,0	7,5	8,0			7,3	8,3	8,0	8.3			học tốt, cần phát huy															
12	Hồ Anh Khoa	9,0	9,5	9,0	9,0			9,5	8,5	9,0	9.0			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
13	Bùi Trần Đăng Khoa	7,0	8,0	6,5	7,0			5,0	8,0	6,9	6.8			học khá, cố gắng thêm															
14	Đặng Anh Kiệt	7,0	8,0	8,0	7,0			7,0	6,8	7,2	6.4			học khá, cố gắng thêm															
15	Huỳnh Tấn Kiệt	7,5	8,5	7,0	7,5			6,8	8,0	7,6	7.7			học khá, cố gắng thêm															
16	Dương Tuấn Kiệt	6,0	7,0	8,5	6,5			4,0	7,5	6,5	6.5			học khá, cố gắng thêm															
17	Võ Văn Là	6,5	7,5	6,0	6,5			5,5	6,8	6,4	6.3			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.															
18	Đỗ Thị Trúc Mai	9,5	9,5	9,0	9,5			9,0	9,8	9,4	9.3			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
19	Bùi Thị Trà My	9,5	10,0	9,5	9,5			9,5	10,0	9,7	9.7			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
20	Lê Thị Trà My	7,5	8,5	7,0	7,5			7,3	7,5	7,5	7.8			học khá, cố gắng thêm															
21	Phạm Thị Kim Ngân	9,5	9,5	9,0	9,5			9,3	9,8	9,5	8.8			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
22	Trà Kim Ngọc	8,0	9,0	9,5	8,5			7,5	8,5	8,4	8.6			học tốt, cần phát huy															
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	9,0	9,5	9,0	9,0			8,0	9,8	9,1	9.0			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	8,5	9,0	8,0	8,5			7,8	8,8	8,4	8.2			học tốt, cần phát huy															
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	9,0	9,0	8,5	9,0			8,8	8,8	8,8	9.0			học tốt, cần phát huy															
26	Lương Thị Kiều Oanh	7,0	8,0	6,5	7,0			5,5	7,8	7,0	6.9			học khá, cố gắng thêm															
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	6,5	7,5	6,0	6,5			4,5	7,3	6,4	6.5			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.															
28	Dương Bùi Tấn Phú	7,0	8,0	8,0	6,5			5,5	6,3	6,6	6.7			học khá, cố gắng thêm															
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	8,0	9,0	8,0	8,5			7,5	8,5	8,2	7.5			học tốt, cần phát huy															
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	8,5	9,5	8,0	8,5			8,0	8,8	8,5	8.3			học tốt, cần phát huy															
31	Võ Hồng Quân	5,5	6,5	5,0	6,0			4,5	6,0	5,6	5.7			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.															
32	Nguyễn Phúc Quân	4,0	5,0	4,0	4,0			4,5	3,5	4,1	4.3			học yếu, cần cố gắng nhiều hơn															
33	Nguyễn Trung Quân	7,0	8,0	6,5	7,0			7,3	6,3	6,9	6.5			học khá, cố gắng thêm															
34	Nguyễn Minh Tân	7,0	6,0	4,0	7,0			3,5	4,8	5,0	5.8			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.															
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành																												
36	Lê Nguyễn Anh Thư	8,0	9,0	7,5	8,0			7,0	8,5	8,0	7.6			học tốt, cần phát huy															
37	Nguyễn Đỗ Trọng	7,5	8,5	7,0	8,0			6,8	8,0	7,6	7.2			học khá, cố gắng thêm															
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	9,0	8,0	8,0			9,3	7,0	8,1	8.0			học tốt, cần phát huy															
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền	9,5	9,5	9,0	9,5			9,5	9,3	9,4	9.4			Học giỏi, ý thức học tập tốt.															
40	Nguyễn Thảo Vy	7,5	8,5	7,0	7,5			7,3	7,3	7,4	7.9			học khá, cố gắng thêm															
41	Nguyễn Giang Yến Vy	7,5	8,5	7,5	8,0			7,5	7,5	7,7	7.8			học khá, cố gắng thêm															
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	8,5	9,5	8,0	8,5			6,3	9,8	8,5	8.2			học tốt, cần phát huy															

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Lê Tấn Đức

HỌC KỲ II														
Sinh học		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Trương Quốc Anh	2,5	0,0	0,0	0,0		2,8	3,8	2,2	3.5			cần cố gắng hơn trong học tập	
2	Huỳnh Đăng Du	9,0	10,0	9,0	9,5		8,3	7,3	8,4	8.1			học khá, có cố gắng trong học tập	
3	Châu Ngọc Ánh Dương	10,0	6,5	6,0	8,5		6,3	9,3	7,9	8.0			học khá, có cố gắng trong học tập	
4	Nguyễn Thành Đạt	8,0	9,0	5,0	8,0		6,5	8,5	7,6	7.2			học khá, có cố gắng trong học tập	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,5	6,5	7,5	9,5		7,0	9,5	8,2	7.8			học khá, có cố gắng trong học tập	
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	10,0	6,5	9,0	9,5		7,5	8,5	8,4	8.1			học khá, có cố gắng trong học tập	
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	9,0	6,5	9,0	10,0		7,5	8,0	8,2	8.3			học khá, có cố gắng trong học tập	
8	Trần Vũ Hùng	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	8,8	9,6	8.9			học tốt, ngoan	
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	9,0	10,0	9,0	9,0		8,8	9,0	9,1	8.5			học tốt, ngoan	
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	5,0	6,5	5,0	7,5		7,0	5,3	6,0	6.5			có cố gắng trong học tập	
11	Phạm Huỳnh Hương	10,0	9,0	9,5	10,0		8,0	5,8	8,0	7.9			học khá, có cố gắng trong học tập	
12	Hồ Anh Khoa	7,5	9,0	9,0	9,9		6,3	6,3	7,4	7.3			học khá, có cố gắng trong học tập	
13	Bùi Trần Đăng Khoa	8,5	10,0	7,0	9,5		8,5	6,5	7,9	7.6			học khá, có cố gắng trong học tập	
14	Đặng Anh Kiệt	5,5	10,0	5,0	9,0		8,0	8,3	7,8	7.5			học khá, có cố gắng trong học tập	
15	Huỳnh Tấn Kiệt	7,5	10,0	9,0	9,5		8,3	6,3	7,9	7.6			học khá, có cố gắng trong học tập	
16	Dương Tuấn Kiệt	7,5	10,0	6,0	10,0		6,8	5,3	7,0	7.0			học khá, có cố gắng trong học tập	
17	Võ Văn Là	7,5	9,5	5,0	8,5		7,3	8,0	7,7	7.4			học khá, có cố gắng trong học tập	
18	Đỗ Thị Trúc Mai	9,0	6,5	10,0	10,0		7,5	7,8	8,2	7.9			học khá, có cố gắng trong học tập	
19	Bùi Thị Trà My	8,0	8,5	9,5	10,0		7,8	8,8	8,7	8.5			học khá, có cố gắng trong học tập	
20	Lê Thị Trà My	7,0	5,0	8,5	9,5		7,5	6,3	7,1	7.2			học khá, có cố gắng trong học tập	
21	Phạm Thị Kim Ngân	10,0	10,0	9,5	10,0		9,0	9,0	9,4	8.6			học tốt, ngoan	
22	Trà Kim Ngọc	7,0	10,0	9,0	10,0		8,0	8,0	8,4	7.9			học khá, có cố gắng trong học tập	
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	9,0	6,5	9,0	7,0		7,0	8,0	7,7	7.2			học khá, có cố gắng trong học tập	
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	9,5	8,0	9,0	10,0		8,3	7,0	8,2	8.0			học khá, có cố gắng trong học tập	
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	9,0	9,0	10,0	10,0		8,3	10,0	9,4	8.7			học tốt, ngoan	
26	Lương Thị Kiều Oanh	4,0	5,0	7,0	9,0		7,3	8,3	7,2	6.9			học khá, có cố gắng trong học tập	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	9,0	10,0	9,0	9,5		6,5	4,8	7,2	7.1			học khá, có cố gắng trong học tập	
28	Dương Bùi Tấn Phú	7,0	7,0	5,0	7,5		8,0	6,3	6,8	6.6			có cố gắng trong học tập	
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	8,5	10,0	7,0	8,0		5,8	6,3	7,1	7.2			học khá, có cố gắng trong học tập	
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	9,0	7,0	9,0	9,3		9,0	8,3	8,6	8.1			học khá, có cố gắng trong học tập	
31	Võ Hồng Quân	8,0	8,0	6,0	6,5		4,5	7,0	6,5	6.9			có cố gắng trong học tập	
32	Nguyễn Phúc Quân	0,0	0,0	0,0	0,0		2,0	4,5	1,9	2.7			chưa đạt, cần có thái độ học tập tốt hơn	
33	Nguyễn Trung Quân	7,0	9,0	8,0	5,0		7,0	6,8	7,0	7.1			học khá, có cố gắng trong học tập	
34	Nguyễn Minh Tân	6,5	9,5	5,0	2,0		4,8	5,0	5,3	5.8			cần cố gắng trong học tập	
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành													
36	Lê Nguyễn Anh Thư	7,0	7,0	6,0	10,0		6,8	3,8	6,1	6.5			có cố gắng trong học tập	
37	Nguyễn Đỗ Trọng	9,5	7,0	9,0	9,0		7,8	6,5	7,7	7.8			học khá, có cố gắng trong học tập	
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	5,5	7,0	9,5	10,0		9,3	7,3	8,1	7.7			học khá, có cố gắng trong học tập	
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền	9,5	8,5	9,5	10,0		9,0	9,3	9,3	8.9			học tốt, ngoan	
40	Nguyễn Thảo Vy	8,5	5,0	8,0	10,0		8,3	6,8	7,6	7.3			học khá, có cố gắng trong học tập	
41	Nguyễn Giang Yến Vy	8,5	5,0	9,0	10,0		7,0	6,8	7,4	7.4			học khá, có cố gắng trong học tập	
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	10,0	10,0	8,0	9,5		7,3	4,5	7,3	7.3			học khá, có cố gắng trong học tập	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Linh, Phạm Thị Thu

HỌC KỲ II														
Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Trương Quốc Anh	0,0	0,0	0,0	0,0		1,0	2,0	0,9	1.6			Chưa đạt yêu cầu, chưa cố gắng học tập	
2	Huỳnh Đăng Du	5,0	6,0	6,0	4,0		5,5	6,0	5,6	5.6			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
3	Châu Ngọc Ánh Dương	4,0	6,0	4,0	5,0		5,0	4,5	4,7	5.0			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
4	Nguyễn Thành Đạt	5,0	6,0	4,0	4,0		5,5	5,0	5,0	5.2			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	4,0	6,0	4,0	4,0		5,0	5,5	4,9	5.1			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	5,0	6,0	6,0	5,0		6,0	7,0	6,1	6.2			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	5,0	6,0	7,0	6,0		7,0	8,0	6,9	6.7			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
8	Trần Vũ Hùng	5,0	6,0	7,0	6,0		7,0	8,0	6,9	6.4			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	5,0	6,0	4,0	5,0		5,0	5,0	5,0	5.1			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	5,0	6,0	5,0	4,0		5,5	5,0	5,1	5.2			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
11	Phạm Huỳnh Hương	6,0	7,0	4,0	5,0		6,0	5,5	5,6	5.9			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
12	Hồ Anh Khoa	5,0	6,0	5,0	4,0		6,0	6,5	5,7	5.6			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
13	Bùi Trần Đăng Khoa	5,0	6,0	4,0	4,0		5,5	5,0	5,0	5.1			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
14	Đặng Anh Kiệt	5,0	6,0	5,0	4,0		5,5	5,0	5,1	5.0			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
15	Huỳnh Tấn Kiệt	5,0	5,0	4,0	4,0		5,0	5,0	4,8	5.0			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
16	Dương Tuấn Kiệt	5,0	5,0	6,0	5,0		5,0	5,0	5,1	5.0			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
17	Võ Văn Là	4,0	5,0	6,0	5,0		5,0	5,0	5,0	5.0			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
18	Đỗ Thị Trúc Mai	5,0	6,0	6,0	7,0		6,0	7,0	6,3	6.2			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
19	Bùi Thị Trà My	6,0	6,0	7,0	5,0		6,0	5,5	5,8	5.7			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
20	Lê Thị Trà My	6,0	6,0	5,0	7,0		6,0	6,0	6,0	5.9			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
21	Phạm Thị Kim Ngân	7,0	7,0	8,0	7,0		8,0	9,0	8,0	7.4			Đạt yêu cầu cơ bản, có nhiều cố gắng trong học tập, chiều hướng phát triển tốt, chăm ngoan	
22	Trà Kim Ngọc	7,0	7,0	8,0	7,0		7,0	8,0	7,4	7.2			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	7,0	6,0	6,0	5,0		6,0	7,0	6,3	6.2			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	6,0	7,0	7,0	8,0		7,0	8,0	7,3	6.7			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	8,0	8,0	7,0	8,0		8,5	8,5	8,2	8.1			Đạt yêu cầu cơ bản, có nhiều cố gắng trong học tập, chiều hướng phát triển tốt, chăm ngoan	
26	Lương Thị Kiều Oanh	4,0	5,0	6,0	6,0		5,0	5,0	5,1	5.0			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	5,0	6,0	5,0	5,0		5,0	5,5	5,3	5.1			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
28	Dương Bùi Tấn Phú	5,0	6,0	5,0	5,0		5,5	5,0	5,2	5.3			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	4,0	6,0	5,0	5,0		5,0	5,5	5,2	5.3			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	5,0	6,0	4,0	5,0		6,0	5,0	5,2	5.4			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
31	Võ Hồng Quân	5,0	6,0	6,0	5,0		6,0	6,0	5,8	5.7			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
32	Nguyễn Phúc Quân	0,0	0,0	0,0	0,0		1,0	2,0	0,9	1.3			Chưa đạt yêu cầu, chưa cố gắng học tập	
33	Nguyễn Trung Quân	5,0	6,0	4,0	6,0		5,0	4,5	4,9	5.0			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
34	Nguyễn Minh Tân	5,0	5,0	5,0	4,0		5,0	5,0	4,9	5.2			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành													
36	Lê Nguyễn Anh Thư	6,0	6,0	5,0	6,0		5,0	5,0	5,3	5.4			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
37	Nguyễn Đỗ Trọng	5,0	6,0	6,0	7,0		6,5	7,5	6,6	6.4			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	5,0	6,0	5,0	6,0		5,5	6,0	5,7	6.0			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyền	7,0	8,0	8,0	8,0		8,5	9,0	8,3	8.2			Đạt yêu cầu cơ bản, có nhiều cố gắng trong học tập, chiều hướng phát triển tốt, chăm ngoan	
40	Nguyễn Thảo Vy	7,0	7,0	6,0	7,0		6,0	5,5	6,2	6.1			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
41	Nguyễn Giang Yến Vy	6,0	7,0	6,0	6,0		6,0	5,5	5,9	5.8			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	5,0	6,0	4,0	5,0		5,0	5,0	5,0	5.1			Đạt yêu cầu cơ bản, cần cố gắng hơn	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mã Thành Thái

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Trương Quốc Anh	1,0	1,0	10,0			7,0	4,3	4,9	5.1			Cần cố gắng hơn
2	Huỳnh Đăng Du	10,0	8,0	8,0			7,0	9,8	8,7	8.6			Học tốt
3	Châu Ngọc Ánh Dương	10,0	7,0	9,0			6,3	8,5	8,0	8.2			Học tốt
4	Nguyễn Thành Đạt	8,0	8,0	9,0			7,5	8,8	8,3	7.8			Học tốt
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	8,0	9,0			7,8	8,8	8,6	8.5			Học tốt, chăm ngoan
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	10,0	8,0	9,0			6,5	8,3	8,1	8.2			Học tốt, chăm ngoan
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	10,0	8,0	9,0			8,8	8,8	8,9	8.9			Học tốt, chăm ngoan
8	Trần Vũ Hùng	9,0	8,0	9,0			8,0	10,0	9,0	8.8			Học tốt, chăm ngoan
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	9,0	9,0	8,0			7,0	8,5	8,2	8.0			Học tốt
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	10,0	7,0	8,0			7,5	9,5	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan
11	Phạm Huỳnh Hương	9,0	10,0	8,0			5,8	9,5	8,4	8.6			Học tốt, chăm ngoan
12	Hồ Anh Khoa	9,0	8,0	8,0			7,5	8,3	8,1	7.8			Học tốt, chăm ngoan
13	Bùi Trần Đăng Khoa	9,0	8,0	8,0			5,3	7,0	7,1	7.4			Học khá
14	Đặng Anh Kiệt	10,0	8,0	9,0			7,8	9,0	8,7	8.4			Học tốt, chăm ngoan
15	Huỳnh Tấn Kiệt	9,0	9,0	9,0			4,5	9,0	7,9	7.7			Học khá
16	Dương Tuấn Kiệt	9,0	9,0	9,0			3,8	5,0	6,2	6.6			Cần cố gắng hơn
17	Võ Văn Là	10,0	7,0	8,0			8,0	6,5	7,6	7.4			Học khá
18	Đỗ Thị Trúc Mai	10,0	10,0	9,0			6,0	8,3	8,2	8.3			Học tốt, chăm ngoan
19	Bùi Thị Trà My	10,0	9,0	9,0			7,8	10,0	9,2	9.1			Học tốt, chăm ngoan
20	Lê Thị Trà My	10,0	10,0	9,0			8,0	8,8	8,9	8.8			Học tốt, chăm ngoan
21	Phạm Thị Kim Ngân	10,0	10,0	9,0			8,0	9,8	9,3	9.0			Học tốt, chăm ngoan
22	Trà Kim Ngọc	10,0	10,0	9,0			8,5	7,8	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	10,0	9,0	9,0			6,0	8,3	8,1	8.3			Học tốt, chăm ngoan
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	10,0	10,0	9,0			6,5	9,5	8,8	8.6			Học tốt, chăm ngoan
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	10,0	10,0	9,0			9,0	10,0	9,6	9.5			Học tốt, chăm ngoan
26	Lương Thị Kiều Oanh	8,0	8,0	8,0			5,5	9,8	8,1	7.5			Học tốt
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	9,0	7,0	8,0			5,5	6,8	6,9	6.5			Cần cố gắng hơn
28	Dương Bùi Tấn Phú	10,0	8,0	8,0			3,8	7,0	6,8	7.1			Cần cố gắng hơn
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	10,0	8,0	8,0			8,3	9,8	9,0	8.7			Học tốt, chăm ngoan
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	10,0	8,0	9,0			9,0	9,8	9,3	9.3			Học tốt, chăm ngoan
31	Võ Hồng Quân	9,0	8,0	7,0			8,8	10,0	9,0	8.2			Học tốt, chăm ngoan
32	Nguyễn Phúc Quân	1,0	1,0	10,0			6,0	3,8	4,4	5.1			Cần cố gắng hơn
33	Nguyễn Trung Quân	10,0	8,0	7,0			6,5	8,3	7,9	7.6			Học khá
34	Nguyễn Minh Tân	5,0	6,0	6,0			8,5	6,0	6,5	6.5			Cần cố gắng hơn
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành												
36	Lê Nguyễn Anh Thư	9,0	8,0	9,0			8,8	10,0	9,2	8.8			Học tốt, chăm ngoan
37	Nguyễn Đỗ Trọng	9,0	9,0	9,0			5,8	10,0	8,6	8.5			Học tốt, chăm ngoan
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10,0	8,0	9,0			8,8	9,5	9,1	8.6			Học tốt, chăm ngoan
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	10,0	10,0	9,0			9,0	8,8	9,2	9.3			Học tốt, chăm ngoan
40	Nguyễn Thảo Vy	10,0	10,0	9,0			7,5	10,0	9,3	9.1			Học tốt, chăm ngoan
41	Nguyễn Giang Yến Vy	10,0	9,0	9,0			6,5	9,0	8,5	8.6			Học tốt, chăm ngoan
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	10,0	8,0	9,0			8,3	8,5	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

HỌC KỲ II														
Ngoại ngữ 1		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Trương Quốc Anh	0,0	3,0	1,0	0,0		1,5	4,1	2,1	1.9			Chưa đạt, cần cố gắng	
2	Huỳnh Đăng Du	6,5	6,5	7,0	7,0		5,0	6,5	6,3	6.1			Học khá, chăm	
3	Châu Ngọc Ánh Dương	6,5	7,0	7,0	4,0		2,5	6,3	5,4	6.0			Học được, chăm	
4	Nguyễn Thành Đạt	8,0	2,0	7,0	7,0		4,0	5,9	5,5	5.1			Học được, chăm	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	6,5	10,0	7,0	7,0		5,5	5,4	6,4	6.6			Học khá, chăm	
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	7,5	8,0	8,0	9,0		5,0	7,7	7,3	7.4			Học khá, chăm, ngoan	
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	7,5	8,0	8,0	5,0		4,8	7,1	6,6	6.6			Học khá, chăm	
8	Trần Vũ Hùng	8,0	10,0	9,0	9,0		6,0	7,3	7,8	7.7			Học khá, chăm, ngoan	
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	8,5	8,0	7,0	7,0		5,5	5,5	6,4	6.3			Học khá, chăm	
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	6,0	8,0	8,0	6,5		2,5	5,2	5,5	5.9			Học được, chăm	
11	Phạm Huỳnh Hương	9,0	9,0	10,0	6,5		4,5	7,5	7,3	6.8			Học khá, chăm, ngoan	
12	Hồ Anh Khoa	8,0	6,5	8,0	8,0		5,0	5,2	6,2	6.1			Học khá, chăm	
13	Bùi Trần Đăng Khoa	8,5	7,0	7,0	9,0		6,0	4,3	6,3	6.2			Học khá, chăm	
14	Đặng Anh Kiệt	8,0	4,0	9,5	3,0		4,0	4,6	5,1	5.6			Học được	
15	Huỳnh Tấn Kiệt	9,0	9,0	8,0	8,0		5,3	7,0	7,3	7.0			Học khá, chăm, ngoan	
16	Dương Tuấn Kiệt	8,0	8,0	9,5	4,0		3,8	3,8	5,4	5.6			Học được	
17	Võ Văn Là	4,0	9,0	7,5	9,0		4,5	5,4	6,1	5.9			Học khá, chăm	
18	Đỗ Thị Trúc Mai	5,0	10,0	10,0	10,0		5,5	7,5	7,6	7.3			Học khá, chăm, ngoan	
19	Bùi Thị Trà My	6,0	10,0	10,0	9,5		8,6	7,3	8,3	8.2			Giỏi, chăm, ngoan	
20	Lê Thị Trà My	8,0	10,0	8,0	3,0		2,0	6,7	5,9	5.8			Học được	
21	Phạm Thị Kim Ngân	8,0	8,0	8,0	8,0		6,5	7,5	7,5	7.1			Học khá, chăm, ngoan	
22	Trà Kim Ngọc	8,0	8,0	9,5	9,0		4,0	5,9	6,7	7.0			Học khá, chăm	
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	5,5	10,0	9,0	9,0		5,3	5,8	6,8	6.5			Học khá, chăm	
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	5,0	8,0	8,5	3,0		5,5	6,3	6,0	6.3			Học khá	
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	9,0	9,0	8,0	9,5		5,3	6,9	7,4	7.3			Học khá, chăm, ngoan	
26	Lương Thị Kiều Oanh	8,0	10,0	7,0	9,0		5,0	7,0	7,2	7.0			Học khá, chăm, ngoan	
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	7,5	6,0	6,0	4,5		3,3	5,7	5,3	5.0			Học được	
28	Dương Bùi Tấn Phú	8,0	6,0	9,5	3,5		4,8	3,8	5,3	5.2			Học được	
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	8,0	10,0	9,5	9,0		8,5	6,3	8,0	7.3			Giỏi, chăm	
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	8,0	8,0	9,5	9,0		7,0	7,5	7,9	7.8			Học khá, chăm, ngoan	
31	Võ Hồng Quân	8,5	4,0	7,0	3,0		4,3	6,9	5,8	6.2			Học được	
32	Nguyễn Phúc Quân	0,0	4,0	4,0	0,0		2,5	3,6	2,6	2.5			Chưa đạt, cần cố gắng	
33	Nguyễn Trung Quân	8,0	6,0	7,0	2,5		5,3	4,8	5,4	5.3			Học được	
34	Nguyễn Minh Tân	8,5	4,0	6,0	7,0		4,8	4,6	5,4	5.7			Học được	
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành													
36	Lê Nguyễn Anh Thư	8,0	8,5	7,5	9,0		4,5	7,4	7,1	6.7			Học khá, chăm	
37	Nguyễn Đỗ Trọng	8,0	8,0	9,0	10,0		3,8	5,3	6,5	6.5			Học khá, chăm	
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	8,0	9,5	5,5		3,8	6,0	6,3	6.5			Học khá, chăm	
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	6,5	10,0	9,5	10,0		10,0	7,6	8,8	8.7			Giỏi, chăm, ngoan	
40	Nguyễn Thảo Vy	8,0	8,0	10,0	2,0		6,3	4,8	6,1	6.1			Học khá, chăm	
41	Nguyễn Giang Yến Vy	8,0	10,0	9,5	6,0		5,5	5,9	6,9	6.5			Học khá, chăm, ngoan	
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	7,5	10,0	8,5	4,5		3,8	6,7	6,5	6.9			Học khá, chăm	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Giang

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hằng

Công nghệ cơ khí HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Trương Quốc Anh	3,0	3,0	4,0			5,5	4,5	4,3	3.7			Cần cố gắng nhiều hơn
2	Huỳnh Đăng Du	9,0	9,0	8,0			8,0	9,0	8,6	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
3	Châu Ngọc Ánh Dương	9,0	9,0	9,0			7,5	8,0	8,3	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
4	Nguyễn Thành Đạt	9,0	9,0	9,0			8,5	8,5	8,7	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0			7,0	8,0	8,1	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	9,0	8,0	9,0			6,0	8,0	7,8	7.9			Học được
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	9,0	9,0	8,0			6,5	8,5	8,1	8.1			Học tốt, ngoan, hiền
8	Trần Vũ Hùng	9,0	9,0	9,0			7,0	8,5	8,3	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	9,0	9,0	9,0			6,5	8,0	8,0	8.0			Học tốt, ngoan, hiền
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	9,0	8,0	9,0			7,0	7,5	7,8	8.0			Học được
11	Phạm Huỳnh Hương	9,0	9,0	9,0			7,0	8,0	8,1	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
12	Hồ Anh Khoa	9,0	9,0	8,0			7,5	8,5	8,3	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
13	Bùi Trần Đăng Khoa	8,0	9,0	9,0			7,0	7,0	7,6	7.9			Học được
14	Đặng Anh Kiệt	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,6	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
15	Huỳnh Tấn Kiệt	9,0	8,0	9,0			8,5	8,5	8,6	8.6			Học tốt, ngoan, hiền
16	Dương Tuấn Kiệt	9,0	9,0	8,0			7,0	9,0	8,4	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
17	Võ Văn Là	8,0	9,0	9,0			7,0	8,0	8,0	8.0			Học tốt, ngoan, hiền
18	Đỗ Thị Trúc Mai	9,0	9,0	9,0			7,0	8,5	8,3	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
19	Bùi Thị Trà My	9,0	9,0	9,0			7,5	7,5	8,1	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
20	Lê Thị Trà My	9,0	8,0	9,0			6,5	7,0	7,5	7.8			Học được
21	Phạm Thị Kim Ngân	9,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,4	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
22	Trà Kim Ngọc	9,0	9,0	9,0			8,0	7,0	8,0	8.1			Học tốt, ngoan, hiền
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	8,0	9,0	9,0			5,5	8,0	7,6	7.8			Học được
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	9,0	8,0	9,0			7,0	8,0	8,0	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,6	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
26	Lương Thị Kiều Oanh	5,0	5,0	4,0			7,0	5,0	5,4	6.0			Học được
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	8,0	9,0	9,0			7,5	8,0	8,1	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
28	Dương Bùi Tấn Phú	8,0	9,0	9,0			7,5	8,0	8,1	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	9,0	8,0	8,0			7,0	8,0	7,9	7.7			Học được
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	9,0	9,0	9,0			6,0	8,5	8,1	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
31	Võ Hồng Quân	8,0	9,0	9,0			7,0	7,5	7,8	8.0			Học được
32	Nguyễn Phúc Quân	3,0	4,0	4,0			3,0	3,0	3,3	3.5			Cần cố gắng nhiều hơn
33	Nguyễn Trung Quân	9,0	9,0	9,0			8,0	6,5	7,8	8.0			Học được
34	Nguyễn Minh Tân	9,0	8,0	9,0			6,0	9,0	8,1	8.1			Học tốt, ngoan, hiền
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành												
36	Lê Nguyễn Anh Thư	9,0	9,0	8,0			5,0	8,5	7,7	8.0			Học được
37	Nguyễn Đỗ Trọng	8,0	8,0	9,0			8,0	8,5	8,3	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,4	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	9,0	9,0	8,0			8,0	9,0	8,6	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
40	Nguyễn Thảo Vy	9,0	8,0	9,0			7,0	8,0	8,0	8.1			Học tốt, ngoan, hiền
41	Nguyễn Giang Yến Vy	9,0	9,0	9,0			6,5	8,0	8,0	8.1			Học tốt, ngoan, hiền
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	9,0	9,0	8,0			7,5	8,0	8,1	8.1			Học tốt, ngoan, hiền

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

Giáo dục thể chất

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 41/48

HỌC KỲ II														
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)														
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú		
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại			
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)			
												Học kỳ	Cuối năm	
1	Trương Quốc Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
2	Huỳnh Đăng Du	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
3	Châu Ngọc Ánh Dương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
4	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
8	Trần Vũ Hùng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
11	Phạm Huỳnh Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
12	Hồ Anh Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
13	Bùi Trần Đăng Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
14	Đặng Anh Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
15	Huỳnh Tấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
16	Dương Tuấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
17	Võ Văn Là	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
18	Đỗ Thị Trúc Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
19	Bùi Thị Trà My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
20	Lê Thị Trà My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
21	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
22	Trà Kim Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
26	Lương Thị Kiều Oanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
28	Dương Bùi Tấn Phú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
31	Võ Hồng Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
32	Nguyễn Phúc Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
33	Nguyễn Trung Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
34	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành													
36	Lê Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
37	Nguyễn Đỗ Trọng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
40	Nguyễn Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
41	Nguyễn Giang Yến Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Dương, Phạm Thị Ngọc Diệu

HĐTrN-HN														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)														HỌC KỲ II													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú																											
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																																							
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại																													
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ		Cuối năm																									
1	Trương Quốc Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
2	Huỳnh Đăng Du	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
3	Châu Ngọc Ánh Dương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hay phát biểu.																											
4	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			chú ý học tập.																											
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			học tốt, hay phát biểu.																											
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
8	Trần Vũ Hùng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			học tốt, hay phát biểu.																											
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			học tốt, hay phát biểu.																											
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
11	Phạm Huỳnh Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
12	Hồ Anh Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
13	Bùi Trần Đăng Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
14	Đặng Anh Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
15	Huỳnh Tấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
16	Dương Tuấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			học tốt, hay phát biểu.																											
17	Võ Văn Là	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			học tốt, hay phát biểu.																											
18	Đỗ Thị Trúc Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			học tốt, hay phát biểu.																											
19	Bùi Thị Trà My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
20	Lê Thị Trà My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
21	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
22	Trà Kim Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
26	Lương Thị Kiều Oanh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
28	Dương Bùi Tấn Phú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
31	Võ Hồng Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
32	Nguyễn Phúc Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
33	Nguyễn Trung Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
34	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành																																								
36	Lê Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
37	Nguyễn Đỗ Trọng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
40	Nguyễn Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
41	Nguyễn Giang Yến Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có sự cố gắng trong học tập.																											

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hồng Hải, Lê Thị Hồng Thủy

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ cơ khí		
1	Trương Quốc Anh	Đ	Đ	Đ	2,2	0,7	4,9	2,2	0,9	4,9	2,1	4,9	4,3	CĐ	Đ
2	Huỳnh Đăng Du	Đ	Đ	Đ	7,5	8,6	7,5	8,4	5,6	8,7	6,3	8,3	8,6	K	T
3	Châu Ngọc Ánh Dương	Đ	Đ	Đ	8,0	8,3	7,6	7,9	4,7	8,0	5,4	7,0	8,3	Đ	T
4	Nguyễn Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	7,9	7,7	7,0	7,6	5,0	8,3	5,5	8,1	8,7	K	T
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,0	8,6	8,5	8,2	4,9	8,6	6,4	8,7	8,1	Đ	T
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	Đ	Đ	Đ	8,4	8,5	9,0	8,4	6,1	8,1	7,3	8,0	7,8	K	T
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	Đ	Đ	Đ	7,7	8,1	8,9	8,2	6,9	8,9	6,6	8,1	8,1	T	T
8	Trần Vũ Hùng	Đ	Đ	Đ	7,9	8,6	9,3	9,6	6,9	9,0	7,8	8,7	8,3	T	T
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ	Đ	8,0	8,0	7,5	9,1	5,0	8,2	6,4	8,4	8,0	K	T
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	Đ	Đ	Đ	7,1	8,8	8,6	6,0	5,1	8,6	5,5	7,4	7,8	K	T
11	Phạm Huỳnh Hương	Đ	Đ	Đ	8,5	8,6	8,0	8,0	5,6	8,4	7,3	6,6	8,1	K	T
12	Hồ Anh Khoa	Đ	Đ	Đ	7,9	8,9	9,0	7,4	5,7	8,1	6,2	8,4	8,3	K	T
13	Bùi Trần Đăng Khoa	Đ	Đ	Đ	7,3	7,5	6,9	7,9	5,0	7,1	6,3	7,6	7,6	K	T
14	Đặng Anh Kiệt	Đ	Đ	Đ	8,1	7,3	7,2	7,8	5,1	8,7	5,1	8,1	8,6	K	T
15	Huỳnh Tấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	7,5	6,2	7,6	7,9	4,8	7,9	7,3	9,0	8,6	Đ	T
16	Dương Tuấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	7,0	7,4	6,5	7,0	5,1	6,2	5,4	8,7	8,4	K	T
17	Vô Văn Là	Đ	Đ	Đ	7,0	7,4	6,4	7,7	5,0	7,6	6,1	8,4	8,0	K	T
18	Đỗ Thị Trúc Mai	Đ	Đ	Đ	8,6	8,5	9,4	8,2	6,3	8,2	7,6	8,7	8,3	K	T
19	Bùi Thị Trà My	Đ	Đ	Đ	8,4	8,8	9,7	8,7	5,8	9,2	8,3	7,7	8,1	K	T
20	Lê Thị Trà My	Đ	Đ	Đ	7,6	7,8	7,5	7,1	6,0	8,9	5,9	6,3	7,5	K	K
21	Phạm Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	9,0	9,3	9,5	9,4	8,0	9,3	7,5	8,0	8,4	T	T
22	Trà Kim Ngọc	Đ	Đ	Đ	7,6	8,3	8,4	8,4	7,4	8,7	6,7	7,7	8,0	K	T
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	Đ	Đ	Đ	7,0	7,9	9,1	7,7	6,3	8,1	6,8	8,6	7,6	K	T
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Đ	Đ	Đ	8,5	8,4	8,4	8,2	7,3	8,8	6,0	6,4	8,0	K	T
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	Đ	Đ	Đ	8,8	8,4	8,8	9,4	8,2	9,6	7,4	8,7	8,6	T	T
26	Lương Thị Kiều Oanh	Đ	Đ	Đ	7,0	7,8	7,0	7,2	5,1	8,1	7,2	4,4	5,4	Đ	K
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	Đ	Đ	Đ	7,2	6,8	6,4	7,2	5,3	6,9	5,3	8,7	8,1	K	T
28	Dương Bùi Tấn Phú	Đ	Đ	Đ	7,4	8,7	6,6	6,8	5,2	6,8	5,3	8,0	8,1	K	T
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	Đ	Đ	Đ	6,5	8,5	8,2	7,1	5,2	9,0	8,0	8,1	7,9	K	T
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	Đ	Đ	Đ	8,3	9,0	8,5	8,6	5,2	9,3	7,9	6,4	8,1	K	T
31	Vô Hồng Quân	Đ	Đ	Đ	7,5	7,9	5,6	6,5	5,8	9,0	5,8	8,4	7,8	K	T
32	Nguyễn Phúc Quân	Đ	Đ	Đ	1,9	0,6	4,1	1,9	0,9	4,4	2,6	7,0	3,3	CĐ	Đ
33	Nguyễn Trung Quân	Đ	Đ	Đ	7,6	7,1	6,9	7,0	4,9	7,9	5,4	7,7	7,8	Đ	T
34	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ	Đ	6,5	6,6	5,0	5,3	4,9	6,5	5,4	6,0	8,1	Đ	T
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành														
36	Lê Nguyễn Anh Thư	Đ	Đ	Đ	6,9	7,6	8,0	6,1	5,3	9,2	7,1	6,9	7,7	K	T
37	Nguyễn Đỗ Trọng	Đ	Đ	Đ	7,8	7,4	7,6	7,7	6,6	8,6	6,5	8,4	8,3	K	T
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ	Đ	7,9	8,3	8,1	8,1	5,7	9,1	6,3	7,9	8,4	K	T
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	Đ	Đ	Đ	8,9	8,8	9,4	9,3	8,3	9,2	8,8	7,6	8,6	T	T
40	Nguyễn Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	8,2	8,3	7,4	7,6	6,2	9,3	6,1	7,3	8,0	K	T
41	Nguyễn Giang Yến Vy	Đ	Đ	Đ	8,3	8,3	7,7	7,4	5,9	8,5	6,9	6,1	8,0	K	T
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	Đ	Đ	Đ	7,2	8,3	8,5	7,3	5,0	8,6	6,5	7,7	8,1	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Trần Thị Kim Ngân

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Trương Quốc Anh	Đ	CĐ			40		Kiểm tra lại		Tổng số học sinh: 41 - Được lên lớp: 39 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè. - Không được lên lớp: 0
2	Huỳnh Đăng Du	T	K				Lên lớp			
3	Châu Ngọc Ánh Dương	T	K			1	Lên lớp			
4	Nguyễn Thành Đạt	T	K				Lên lớp			
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	T	K				Lên lớp			
6	Ngô Thị Ngọc Hiền	T	K				Lên lớp			
7	Trần Thị Huỳnh Hoa	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
8	Trần Vũ Hùng	T	K				Lên lớp			
9	Trần Nguyễn Hoàng Huy	T	K				Lên lớp			
10	Quách Thị Thuý Huỳnh	T	K			1	Lên lớp			
11	Phạm Huỳnh Hương	T	K				Lên lớp			Giáo viên chủ nhiệm <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>
12	Hồ Anh Khoa	T	K				Lên lớp			
13	Bùi Trần Đăng Khoa	T	K				Lên lớp			
14	Đặng Anh Kiệt	T	K			3	Lên lớp			
15	Huỳnh Tấn Kiệt	T	K				Lên lớp			
16	Dương Tuấn Kiệt	T	K				Lên lớp			Trần Thị Kim Ngân Hiệu trưởng <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
17	Võ Văn Là	T	K			3	Lên lớp			
18	Đỗ Thị Trúc Mai	T	K				Lên lớp			
19	Bùi Thị Trà My	T	K				Lên lớp			
20	Lê Thị Trà My	K	K				Lên lớp			
21	Phạm Thị Kim Ngân	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	Nguyễn Minh Triều
22	Trà Kim Ngọc	T	K				Lên lớp			
23	Huỳnh Nguyễn Như Ngọc	T	K			3	Lên lớp			
24	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	T	K				Lên lớp			
25	Nguyễn Thị Thanh Nhung	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
26	Lương Thị Kiều Oanh	K	K			19	Lên lớp			
27	Bùi Hoàng Thanh Phong	T	K				Lên lớp			
28	Dương Bùi Tấn Phú	T	K				Lên lớp			
29	Nguyễn Hoàng Hữu Phước	T	K				Lên lớp			
30	Nguyễn Đào Nhã Phương	T	K				Lên lớp			
31	Võ Hồng Quân	T	K				Lên lớp			Kiểm tra lại
32	Nguyễn Phúc Quân	Đ	CĐ			40		Kiểm tra lại		
33	Nguyễn Trung Quân	T	K				Lên lớp			
34	Nguyễn Minh Tân	T	Đ			1	Lên lớp			
35	Nguyễn Ngọc Xuân Thành	-	-				-		-	
36	Lê Nguyễn Anh Thư	T	K				Lên lớp			
37	Nguyễn Đỗ Trọng	T	K				Lên lớp			
38	Nguyễn Thị Thanh Trúc	T	K				Lên lớp			
39	Nguyễn Đặng Mỹ Tuyên	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
40	Nguyễn Thảo Vy	T	K				Lên lớp			
41	Nguyễn Giang Yến Vy	T	K				Lên lớp			
42	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	T	K				Lên lớp			

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9		Nguyễn Minh Triều
Tháng 10		Nguyễn Minh Triều
Tháng 11		Nguyễn Minh Triều
Tháng 12		Nguyễn Minh Triều
Tháng 1		Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2		Nguyễn Minh Triều
Tháng 3		Nguyễn Minh Triều
Tháng 4		Nguyễn Minh Triều
Tháng 5		Nguyễn Minh Triều